

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đặng Hạnh Nguyên

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH KÍNH KA KỲ**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đặng Hạnh Nguyên
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Mai Linh**

HẢI PHÒNG - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đặng Hạnh Nguyên

Mã SV: 1412401032

Lớp: QT1804K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Kính Ka Kỳ

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Khái quát hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
 - Phản ánh được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Kính Ka Kỳ
 - Đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Kính Ka Kỳ, trên cơ sở đó đưa ra những biện pháp hoàn thiện.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu năm 2017

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH Kính Ka Kỳ

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Linh

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Kính Ka Kỳ

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2018

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Đặng Hạnh Nguyên

ThS. Nguyễn Thị Mai Linh

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2018

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| LỜI MỞ ĐẦU | 1 |
| CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ | 2 |
| 1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ. | 2 |
| 1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. | 2 |
| 1.1.2. Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. | 2 |
| 1.1.2.1. Doanh thu. | 2 |
| 1.1.2.2. Chi phí. | 6 |
| 1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh. | 7 |
| 1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. | 8 |
| 1.2. NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ. | 8 |
| 1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. | 8 |
| 1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán. | 12 |
| 1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính. | 16 |
| 1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh. | 19 |
| 1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác. | 21 |
| 1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh. | 24 |
| 1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. | 26 |
| 1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung. | 26 |
| 1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái. | 27 |
| 1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ. | 27 |
| 1.3.4. Hình thức kế toán trên Máy vi tính. | 29 |
| CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH KÍNH KA KỶ | 30 |
| 2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Kính Ka Kỳ. | 30 |
| 2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Kính Ka Kỳ. | 31 |
| 2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Kính Ka Kỳ. | 32 |

| | |
|---|-------------------------------------|
| 2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán..... | 32 |
| 2.1.3.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty TNHH Kính Ka Kỳ. | 33 |
| 2.1.3.3. Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán. | 33 |
| 2.1.3.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung. | 33 |
| 2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Kính Ka Kỳ. | 34 |
| 2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty TNHH Kính Ka Kỳ. | 35 |
| 2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Kính Ka Kỳ. | 41 |
| 2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH Kính Ka Kỳ. | 48 |
| 2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính..... | 54 |
| 2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác..... | 59 |
| 2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh..... | 59 |
| CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH KÍNH KA KỲ..... | |
| | 70 |
| 3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Kính Ka Kỳ. | 70 |
| 3.1.1. Ưu điểm..... | 70 |
| 3.1.1.1. Về tổ chức quản lý kinh doanh..... | 70 |
| 3.1.1.2. Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh..... | 71 |
| 3.1.2. Một số mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty. | 72 |
| 3.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Kính Ka Kỳ..... | 73 |
| 3.2.1. Tầm quan trọng của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty..... | 73 |
| 3.2.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh. | 73 |
| 3.2.2.1. Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại công ty..... | 74 |
| 3.2.2.2. Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán..... | 83 |
| 3.2.2.3. Hoàn thiện việc lập dự phòng phải thu khó đòi tại Công ty TNHH Kính Ka Kỳ. | 86 |
| 3.2.2.4. Một số kiến nghị khác. | 89 |
| KẾT LUẬN..... | Error! Bookmark not defined. |

DANH MỤC SƠ ĐỒ

| | |
|---|----|
| Sơ đồ 1-1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. | 11 |
| Sơ đồ 1-2: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên..... | 14 |
| Sơ đồ 1-3: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ..... | 15 |
| Sơ đồ 1-4: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính. | 18 |
| Sơ đồ 1-5: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh | 20 |
| Sơ đồ 1-6: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác | 23 |
| Sơ đồ 1-7: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh. | 25 |
| Sơ đồ 1-8: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung. | 26 |
| Sơ đồ 1-9: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái | 27 |
| Sơ đồ 1-10: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ | 28 |
| Sơ đồ 1-11: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy..... | 29 |
| Sơ đồ 2-1: Bộ máy quản lý tại công ty TNHH Kính Ka Kỳ..... | 31 |
| Sơ đồ 2-2: Bộ máy kế toán tại công ty TNHH Kính Ka Kỳ | 32 |
| Sơ đồ 2-3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH Kính Ka Kỳ | 34 |
| Sơ đồ 2-4: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH Kính Ka Kỳ..... | 36 |
| Sơ đồ 2-5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH Kính Ka Kỳ..... | 42 |
| Sơ đồ 2-6: Sơ đồ quy trình hạch toán chi phí kinh doanh theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH Kính Ka Kỳ..... | 48 |
| Sơ đồ 2-7: Quy trình hạch toán hoạt động tài chính theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH Kính Ka Kỳ | 54 |
| Sơ đồ 2-8: Quy trình xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH Kính Ka Kỳ..... | 59 |
| Sơ đồ 2-9: Xác định kết quả kinh doanh 2017 của công ty | 60 |
| Sơ đồ 3-1: Kế toán trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi..... | 87 |

DANH MỤC BẢNG BIỂU

| | |
|---|----|
| Biểu số 2-1: Hóa đơn GTGT số 0000226 (chứng từ kèm theo trang bên) | 37 |
| Biểu số 2-2: Hóa đơn GTGT số 0000228 (chứng từ kèm theo trang bên) | 37 |
| Biểu số 2-3: Phiếu thu số PT20/10 | 38 |
| Biểu số 2-4: Trích sổ Nhật ký chung | 39 |
| Biểu số 2-5: Trích Sổ Cái tài khoản 511 | 40 |
| Biểu số 2-6: Phiếu xuất kho số 12/10 | 44 |
| Biểu số 2-7: Phiếu xuất kho số 14/10 | 45 |
| Biểu số 2-8: Trích sổ Nhật ký chung | 46 |
| Biểu số 2-9: Trích Sổ cái Tài khoản 632 | 47 |
| Biểu số 2-10: Hóa đơn GTGT số 0001086 | 50 |
| Biểu số 2-11: Phiếu chi số PC04/10 | 51 |
| Biểu số 2-12: Trích Sổ nhật ký chung | 52 |
| Biểu số 2-13: Sổ cái TK 642 | 53 |
| Biểu số 2-14: Giấy báo có của ngân hàng Vietcombank (vd1) (chứng từ kèm theo bên trang sau) | 56 |
| Biểu số 2-15: Trích sổ Nhật ký chung | 57 |
| Biểu số 2-16: Sổ cái TK 515 | 58 |
| Biểu số 2-17: Phiếu kế toán số 31 | 61 |
| Biểu số 2-18: Phiếu kế toán số 32 | 62 |
| Biểu số 2-19: Phiếu kế toán số 33 | 63 |
| Biểu số 2-20: Phiếu kế toán số 34 | 64 |
| Biểu số 2-21: Phiếu kế toán số 35 | 65 |
| Biểu số 2-22: Trích sổ nhật ký chung | 66 |
| Biểu số 2-23: Sổ cái TK 911 | 67 |
| Biểu số 2-24: Sổ cái TK 821 | 68 |
| Biểu số 2-255: Sổ cái TK 421 | 69 |
| Biểu số 3-1: Sổ chi tiết bán hàng | 75 |
| Biểu số 3-2: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh | 76 |
| Biểu số 3-3: Bảng tổng hợp kết quả kinh doanh từng mặt hàng | 77 |
| Biểu số 3-4: Sổ chi tiết các tài khoản | 78 |
| Biểu số 3-5: Sổ chi tiết bán hàng | 80 |
| Biểu số 3-6: Sổ chi phí kinh doanh (TK632) | 81 |
| Biểu số 3-7: Sổ chi phí kinh doanh (TK6421) | 82 |

LỜI MỞ ĐẦU

Với sự phát triển nhanh chóng của một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong những năm gần đây nền kinh tế Việt Nam đã có những thay đổi lớn lao. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp phải không ngừng đổi mới, hoàn thiện và nâng cao cơ chế quản lý kinh tế, đặc biệt là công tác kế toán tài chính. Cùng với đó khi kinh doanh, doanh nghiệp nào cũng mong muốn đạt được lợi nhuận tối đa, để có lợi nhuận thì doanh nghiệp phải có mức doanh thu hợp lí. Do đó, việc thực hiện hệ thống kế toán về doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc xác định hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Thật vậy, nhận thức được tầm quan trọng đó và dựa trên cơ sở kiến thức tích lũy trong thời gian học tập tại trường cùng sự hướng dẫn và giúp đỡ của cô giáo Nguyễn Thị Mai Linh và các cô chú phòng kế toán công ty TNHH Kính Ka Kỳ, em đã quyết định chọn đề tài “ ***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Trách nhiệm hữu hạn Kính Ka Kỳ***” làm đề tài khóa luận của mình.

Kết cấu của khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Kính Ka Kỳ.

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Kính Ka Kỳ.

Do thời gian và kinh nghiệm còn hạn chế nên bài khóa luận tốt nghiệp của em không tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Đặng Hạnh Nguyên

CHƯƠNG 1:

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN

DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.

1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Trong nền kinh tế thị trường với môi trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay, để chống chọi với sức ép đó và có thể đứng vững trên thị trường đòi hỏi các doanh nghiệp phải có chiến lược kinh doanh cụ thể, biết kinh doanh hiệu quả, quản lý nghiêm túc, tiết kiệm chi phí, nâng cao doanh thu, tăng cường lợi nhuận. Chính vì vậy, yêu cầu về công tác hạch toán cũng như quản lý doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nên được đề cao.

Doanh thu là một khâu trong quá trình bán hàng, là giai đoạn cuối cùng của giai đoạn kinh doanh và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với doanh nghiệp vì nó giúp cho doanh nghiệp thu hồi vốn để có thể tiếp tục quá trình kinh doanh tiếp theo. Đồng thời, các doanh nghiệp cũng luôn quan tâm đến quản lý chi phí, bởi nếu chi phí không hợp lý thì đều gây ra khó khăn trong quản lý và đều làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp.

Chính vì vậy, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phần hành rất quan trọng trong công tác hạch toán kế toán. Nó góp phần cung cấp cho lãnh đạo công ty các thông tin, dấu hiệu chính xác về tình hình sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Qua đó, cung cấp được những thông tin cần thiết giúp doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá và lựa chọn phương án kinh doanh, phương án đầu tư hiệu quả nhất.

1.1.2. Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.2.1. Doanh thu.

Doanh thu là tổng các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ

thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Các loại doanh thu: Tùy từng loại hình sản xuất kinh doanh, doanh thu bao gồm:

➤ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** là số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm hàng hóa, hàng hóa cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

• *Doanh thu bán hàng chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:*

✓ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

✓ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa.

✓ Doanh thu được xác định là tương đối chắc chắn.

✓ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

✓ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

• *Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng:*

✓ Tiêu thụ theo phương pháp trực tiếp: Theo phương thức này người bán giao hàng cho người mua, tại quầy hoặc tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

✓ Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi nhận được báo cáo bán hàng do đại lý gửi.

✓ Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng tới địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã được bên mua chấp nhận thanh toán.

✓ Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp: Là phương thức thu tiền nhiều lần, khách hàng được trả chậm tiền hàng và phải chịu một phần lãi trả chậm theo một tỷ lệ lãi suất nhất định, phần lãi trả chậm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trị một lần ngay từ đầu không bao gồm lãi trả chậm, trả góp.

• *Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn 4 điều kiện sau:*

- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.
- ✓ Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- ✓ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

– **Doanh thu thuần:** Là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng đã trừ các khoản giảm trừ (chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán,...) trong kỳ báo cáo, làm căn cứ tính kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

• *Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:*

✓ **Chiết khấu thương mại:** Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua bán hàng.

✓ **Hàng bán bị trả lại:** Là số hàng đã được coi là tiêu thụ (đã chuyển giao quyền sở hữu, đã thu tiền hay được người mua chấp nhận trả tiền) nhưng lại bị người mua từ chối và trả lại do các nguyên nhân như: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, không đúng quy cách.

✓ **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp nhận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trên hóa đơn, vì lý do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách hoặc không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng.

✓ **Thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp trực tiếp:**

+ **Thuế xuất khẩu:** là loại thuế được đánh vào tất cả hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

+ **Thuế tiêu thụ đặc biệt:** là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh một số mặt hàng đặc biệt mà Nhà nước không khuyến khích.

+ **Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp:** là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Vì vậy, số tiền thuế GTGT phải nộp trong kì tương ứng với doanh thu đã xác định.

➤ **Doanh thu hoạt động tài chính:** là tổng các giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ phát sinh thêm liên quan đến hoạt động tài chính. Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập từ các hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán và doanh thu từ các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

• **Doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 2 điều kiện sau:**

- ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

• **Doanh thu tài chính được xác định trên cơ sở:**

- ✓ Tiền lãi được xác định trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- ✓ Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.

✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền ghi nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận.

➤ **Thu nhập khác:** Là khoản thu góp phần tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu. Thu nhập khác bao gồm các khoản thu:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại;
- Các khoản thu khác.

1.1.2.2. Chi phí.

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản chi ra, các khoản khấu trừ tài sản cố định hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối do cổ đông hoặc chủ sở hữu.

➤ Các loại chi phí:

- **Giá vốn hàng bán:** Là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm hàng hóa (hoặc bao gồm chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- **Chi phí quản lý kinh doanh:** bao gồm Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp.

- ✓ **Chi phí bán hàng:** là toàn bộ các chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ bao gồm: chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu, bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

- ✓ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao TSCĐ (dùng chung cho doanh nghiệp), thuế phí, lệ phí, chi phí dự phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

- **Chi phí hoạt động tài chính:** Là toàn bộ những khoản chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính. Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng, chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán.

- **Chi phí khác:** là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường

của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót, bỏ quên từ năm trước. Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế.

• *Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp: Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.*

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và thu nhập khác.

- *Phương pháp tính thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN):*

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN

1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

➤ ***Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh:*** Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá trị vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh.

Lợi nhuận từ hoạt động SXKD = Doanh thu thuần – Giá vốn hàng bán – Chi phí quản lý kinh doanh

Trong đó: Doanh thu thuần = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ – Các khoản giảm trừ doanh thu

➤ ***Lợi nhuận từ hoạt động tài chính:*** Là số chênh lệch giữa doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính = Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí hoạt động tài chính

➤ **Lợi nhuận từ hoạt động khác:** Là số chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác

Lợi nhuận khác = Thu nhập khác – Chi phí khác

- **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế = Lợi nhuận hoạt động SXKD + Lợi nhuận hoạt động tài chính + Lợi nhuận khác**
- **Lợi nhuận sau thuế TNDN = Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế - Chi phí thuế TNDN**

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

– Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ bán ra.

– Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu và giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh trong kì.

– Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác.

– Theo dõi chi tiết các tài khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí từng hoạt động của doanh nghiệp.

– Cuối kỳ kết chuyển doanh thu và chi phí hợp lý vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh và các khoản phải nộp Nhà nước. Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, trung thực và đầy đủ về kết quả hoạt động kinh doanh để phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và quản lý doanh nghiệp.

– Định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định kết quả kinh doanh, tham mưu cho ban lãnh đạo để đưa ra các quyết định tài chính cho doanh nghiệp.

1.2. NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

➤ **Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, Giấy báo có của ngân hàng)
- Phiếu xuất kho, biên bản giao nhận
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư.

- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động.

- Doanh thu khác.

Các TK cấp 2:

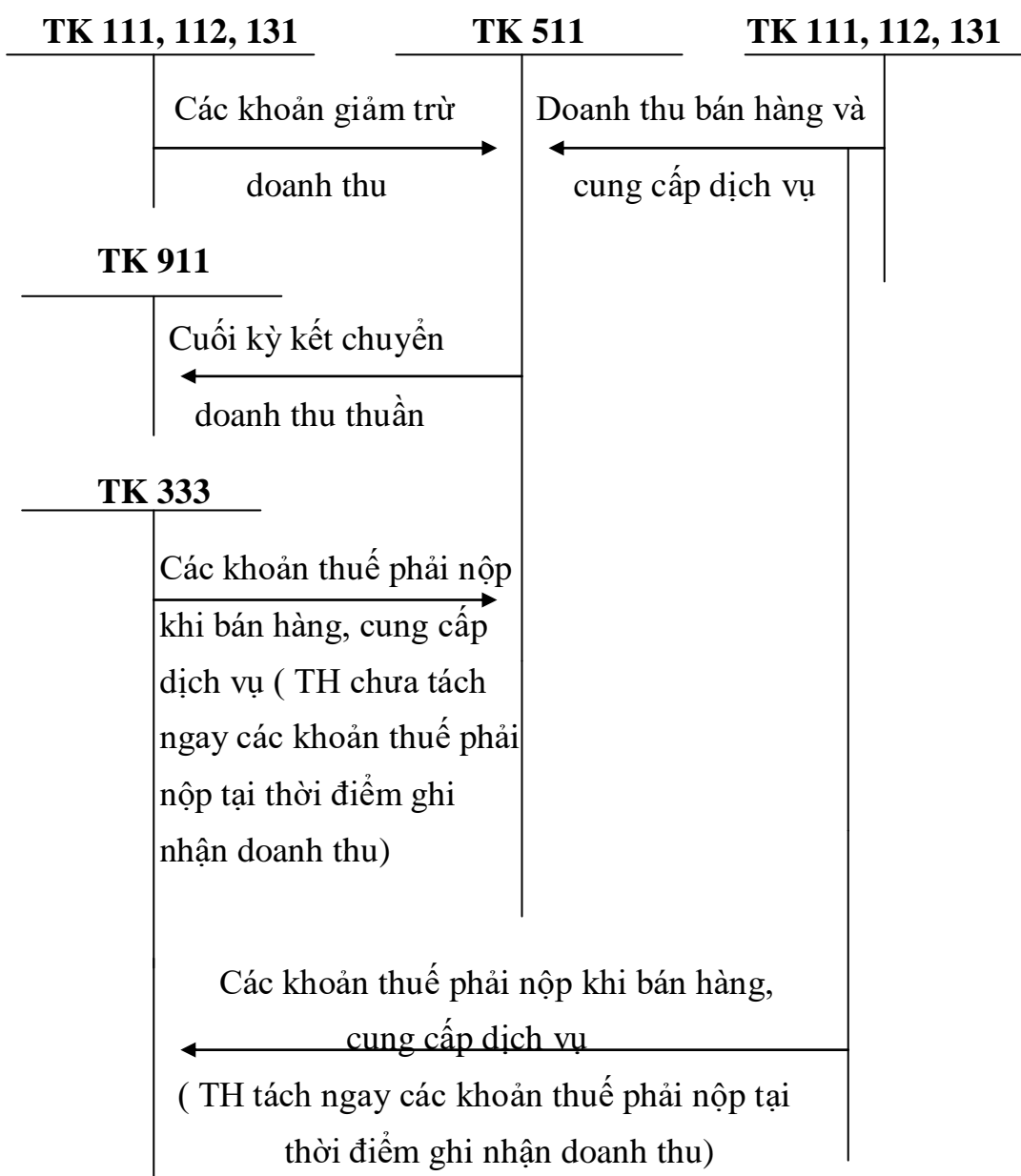
- TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá
- TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5118: Doanh thu khác

➤ **Kết cấu của tài khoản 511:**

| Nợ | TK 511 | Có |
|--|---------------|--|
| <ul style="list-style-type: none"> – Các khoản thuế gián thu phải nộp. (Thuế TTĐB, thuế XNK, thuế GTGT,...) – Các khoản giảm trừ doanh thu. – Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh | | <ul style="list-style-type: none"> – Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán. |
| ∑ Phát sinh Nợ | | ∑ Phát sinh Có |

- **TK 511 không có số dư cuối kỳ**

➤ Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1-1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng.
- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ **Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản 632– Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán ra trong kì.

➤ **Kết cấu tài khoản 632:**

• *Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:*

| Nợ | TK 632 | Có |
|---|---|-----------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> – Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ. – Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. – Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. – Chi phí xây dựng tự chế tạo TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế tạo hoàn thành. – Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. | <ul style="list-style-type: none"> – Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911: "Xác định kết quả kinh doanh". – Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh. – Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước) – Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho. | |
| ∑ Phát sinh Nợ | | ∑ Phát sinh Có |

• **Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ**

• Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

- Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại:

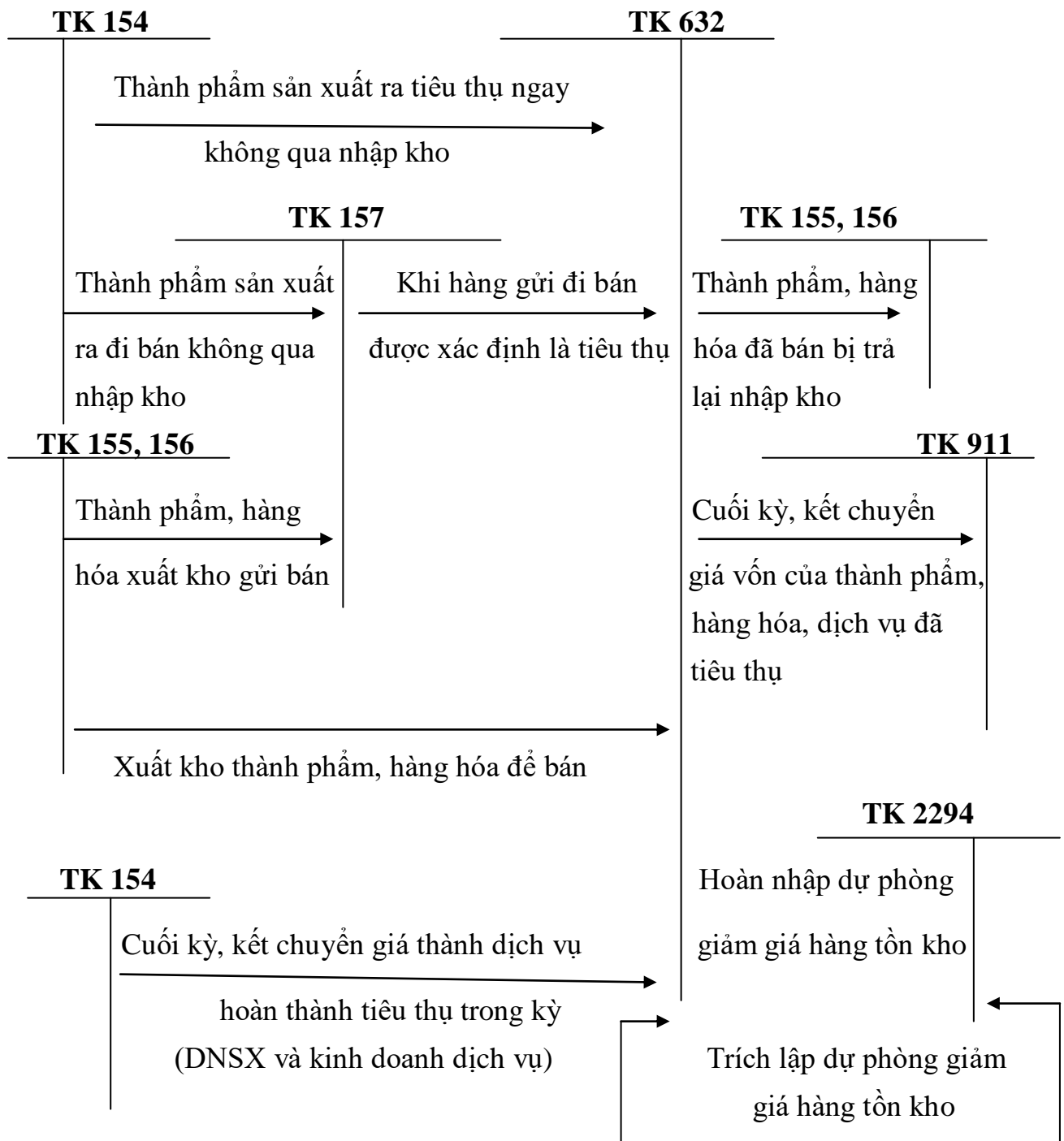
| Nợ | TK 632 | Có |
|--|--------|--|
| – Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ. – Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. | | – Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi đi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ. – Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính. – Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên nợ tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh. |
| ∑ Phát sinh Nợ | | ∑ Phát sinh Có |

- Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ.

| Nợ | TK 632 | Có |
|---|--------|---|
| – Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ. – Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. - Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành. | | – Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên nợ tài khoản 155 - Thành phẩm. – Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính. – Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được là đã bán trong kỳ vào bên nợ tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh. |
| ∑ Phát sinh Nợ | | ∑ Phát sinh Có |

• Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

➤ Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1-2: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên

| TK 155, 156 | TK 632 | TK 155, 156 |
|--|---|---------------|
| <p>Đầu kỳ, kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa tồn kho đầu kỳ.</p> | <p>Cuối kỳ, kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ</p> | |
| TK 157 | | TK 157 |
| <p>Đầu kỳ, kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã gửi bán chưa xác định là tiêu thụ trong kỳ</p> | <p>Cuối kỳ, kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa xác định là tiêu thụ trong kỳ</p> | |
| TK 611 | | |
| <p>Cuối kỳ, xác định và kết chuyển trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán được xác định là tiêu thụ. (DN thương mại)</p> | | |
| TK 631 | | TK 911 |
| <p>Cuối kỳ, xác định và kết chuyển giá thành của thành phẩm hoàn thành nhập kho, giá thành dịch vụ đã hoàn thành. (DNSX và kinh doanh dịch vụ)</p> | <p>Cuối kỳ, kết chuyển giá vốn hàng bán của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ</p> | |

Sơ đồ 1-3: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

➤ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi, Giấy báo nợ, Giấy báo có (Giấy báo lãi)
- Các chứng từ khác có liên quan: Bảng tổng hợp trả lãi tiền vay ...

➤ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Tài khoản 635 - Chi phí tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính

➤ **Kết cấu tài khoản tài khoản 515**

| Nợ | TK 515 | Có |
|--|---|----|
| <ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. | <ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia. - Chiết khấu thanh toán được hưởng. - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết. - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh. - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ. - Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh. - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt | |

| | |
|---|---|
| | động doanh thu tài chính. – Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ. |
| Σ Phát sinh Nợ | Σ Phát sinh Có |

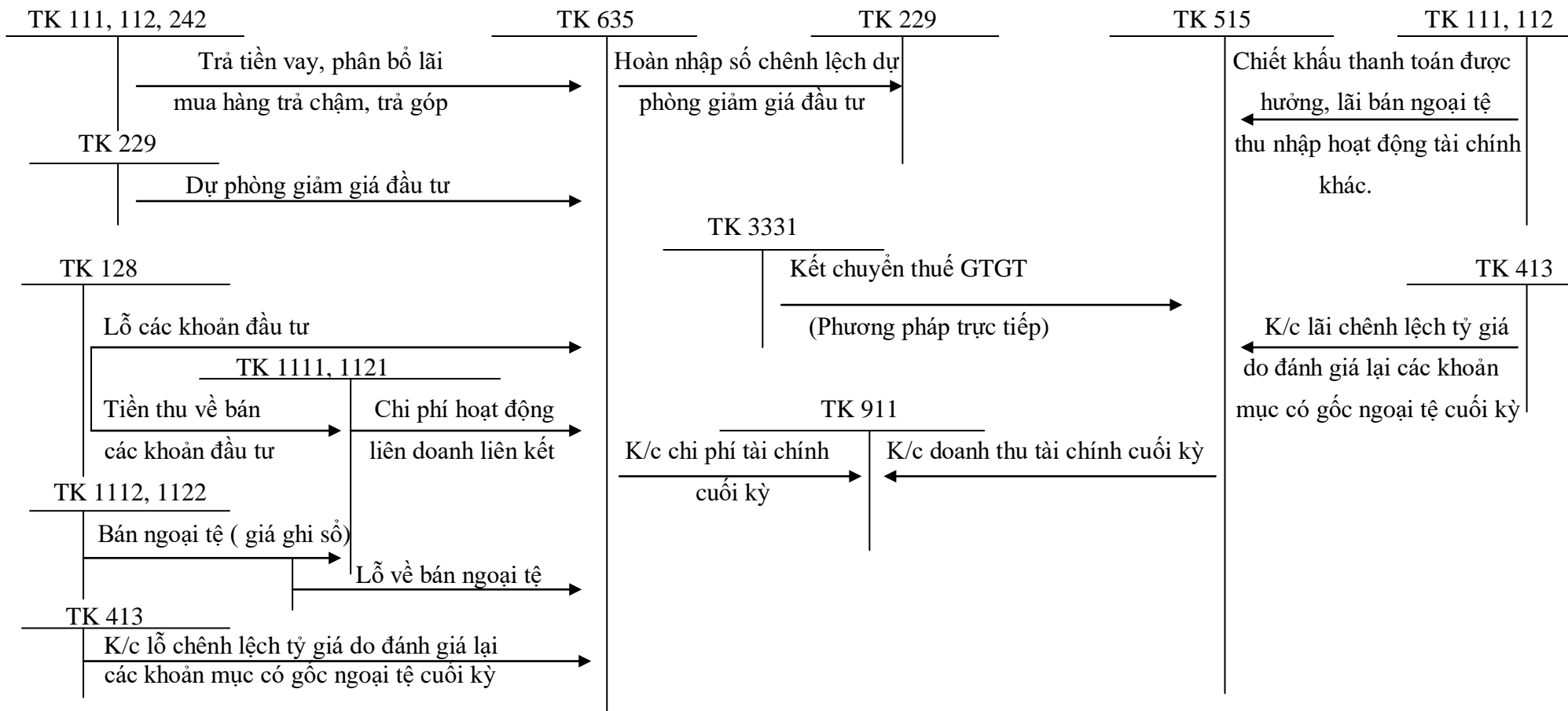
- Tài khoản 515 không có số dư đầu và cuối kỳ.

➤ **Kết cấu tài khoản 635**

| Nợ | TK 635 | Có |
|---|--------|---|
| <ul style="list-style-type: none"> – Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản, thuê tài chính. – Lỗ bán ngoại tệ. – Chiết khấu thanh toán cho người mua. – Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư. – Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động tài chính (lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện). – Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện). – Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác. | | <ul style="list-style-type: none"> – Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. – Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh. |
| Σ Phát sinh Nợ | | Σ Phát sinh Có |

- Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

➤ Phương pháp hạch toán:



Sơ đồ 1-4: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

➤ **Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT, Giấy báo Nợ, Phiếu chi
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ **Tài khoản sử dụng**

- **Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh**

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí phát sinh tại doanh nghiệp từ bán hàng, tiếp khách, văn phòng phẩm, khấu hao TSCĐ, lương nhân viên bán hàng, lương nhân viên quản lý,...

Các TK cấp 2:

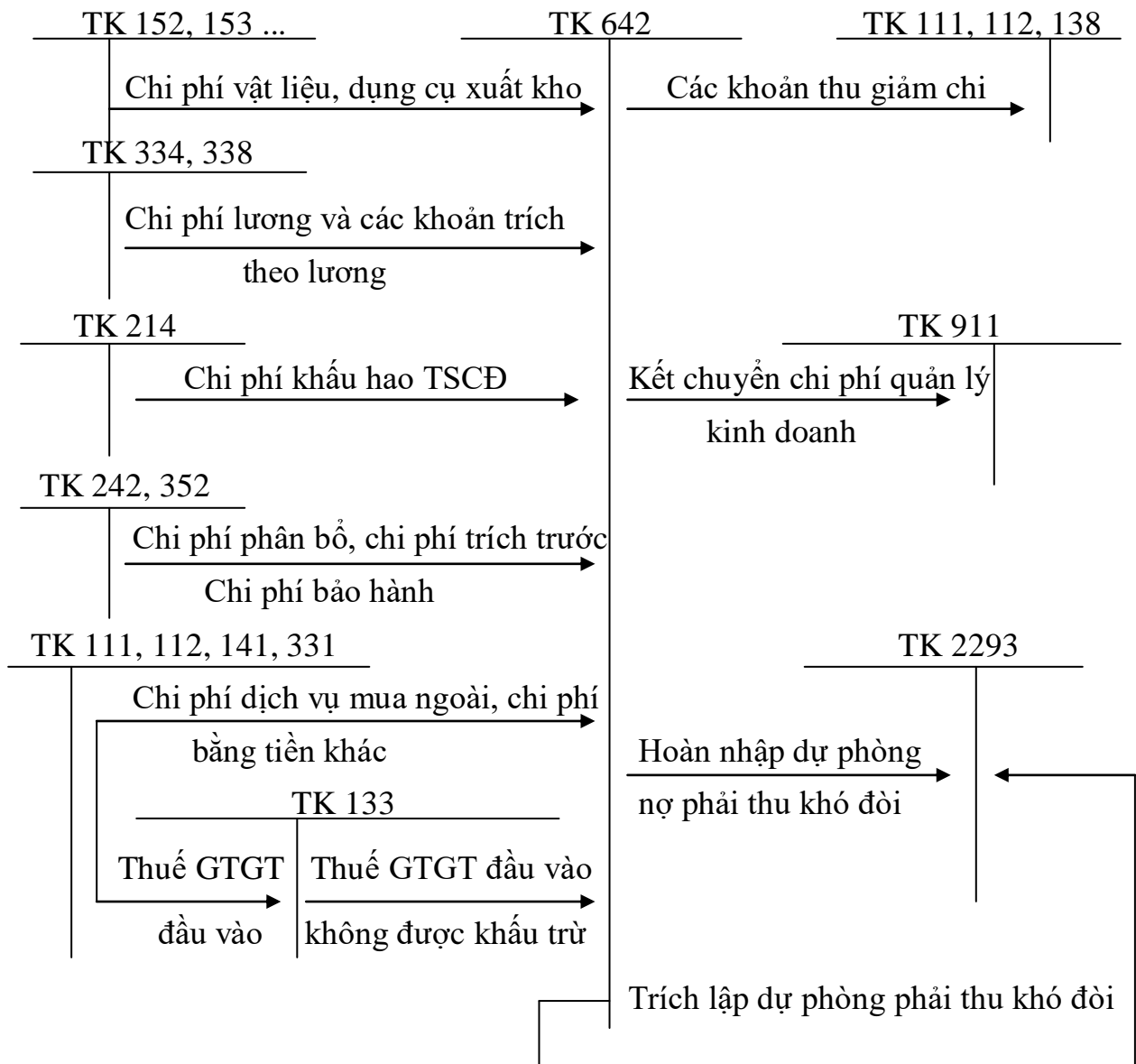
- TK 6421: Chi phí bán hàng
- TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

➤ **Kết cấu tài khoản 642:**

| Nợ | TK 642 | Có |
|--|--|-----------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> – Chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ. – Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết) – Dự phòng trợ cấp mất việc làm. | <ul style="list-style-type: none"> – Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết) – Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh. | |
| ∑ Phát sinh Nợ | | ∑ Phát sinh Có |

- **TK 642 không có số dư cuối kỳ.**

➤ Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1-5: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

➤ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu, phiếu chi
- Phiếu kế toán
- Biên bản bàn giao, thanh lý nhượng bán TSCĐ
- Biên bản đánh giá tài sản
- Biên bản góp vốn liên doanh
- Các giấy tờ khác có liên quan

➤ **Tài khoản sử dụng**

• **Tài khoản 711 - Thu nhập khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh các loại thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

• **Tài khoản 811 - Chi phí khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí phát sinh do sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

➤ **Kết cấu tài khoản TK 711**

| Nợ | TK 711 | Có |
|--|---|-----------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> – Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. – Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh. | <ul style="list-style-type: none"> – Các tài khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ. | |
| ∑ Phát sinh Nợ | | ∑ Phát sinh Có |

• **Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.**

➤ **Kết cấu tài khoản 811**

| Nợ | TK 811 | Có |
|-------------------------------------|---------------|---|
| – Các khoản chi phí khác phát sinh. | | – Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh. |
| ∑ Phát sinh Nợ | | ∑ Phát sinh Có |

- Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

➤ **Phương pháp hạch toán**

1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

➤ **Chứng từ sử dụng**

– Phiếu kế toán

➤ **Tài khoản sử dụng**

- **Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh**

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá trị vốn hàng bán. Trong đó, doanh thu thuần là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ.

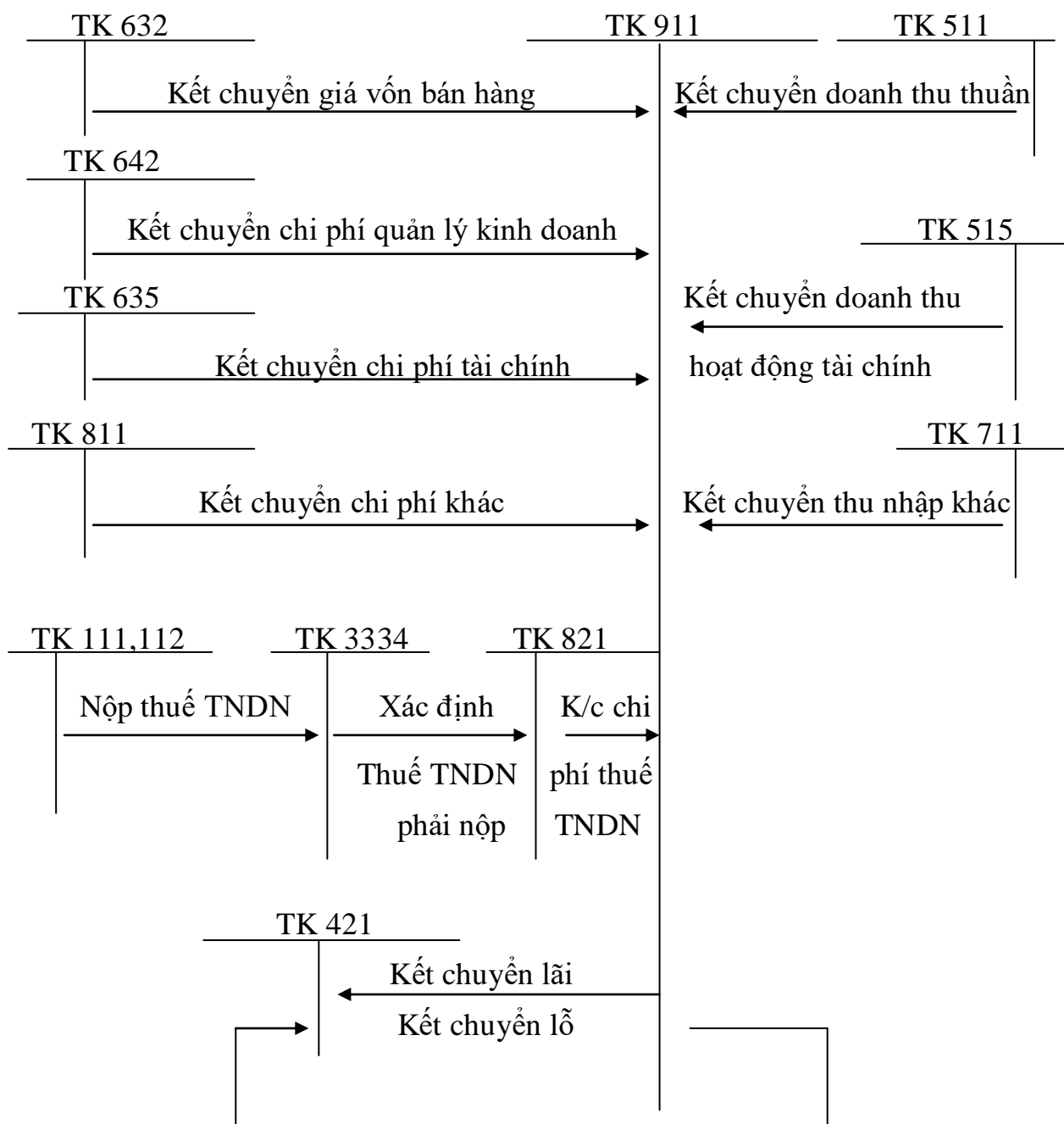
Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

➤ **Kết cấu tài khoản 911**

| Nợ | TK 911 | Có |
|---|--|-----------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> – Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán. – Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác, chi phí quản lý doanh nghiệp. – Kết chuyển lãi. | <ul style="list-style-type: none"> – Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ, doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. – Kết chuyển lỗ. | |
| ∑ Phát sinh Nợ | | ∑ Phát sinh Có |

- **Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.**

➤ **Phương pháp hạch toán**



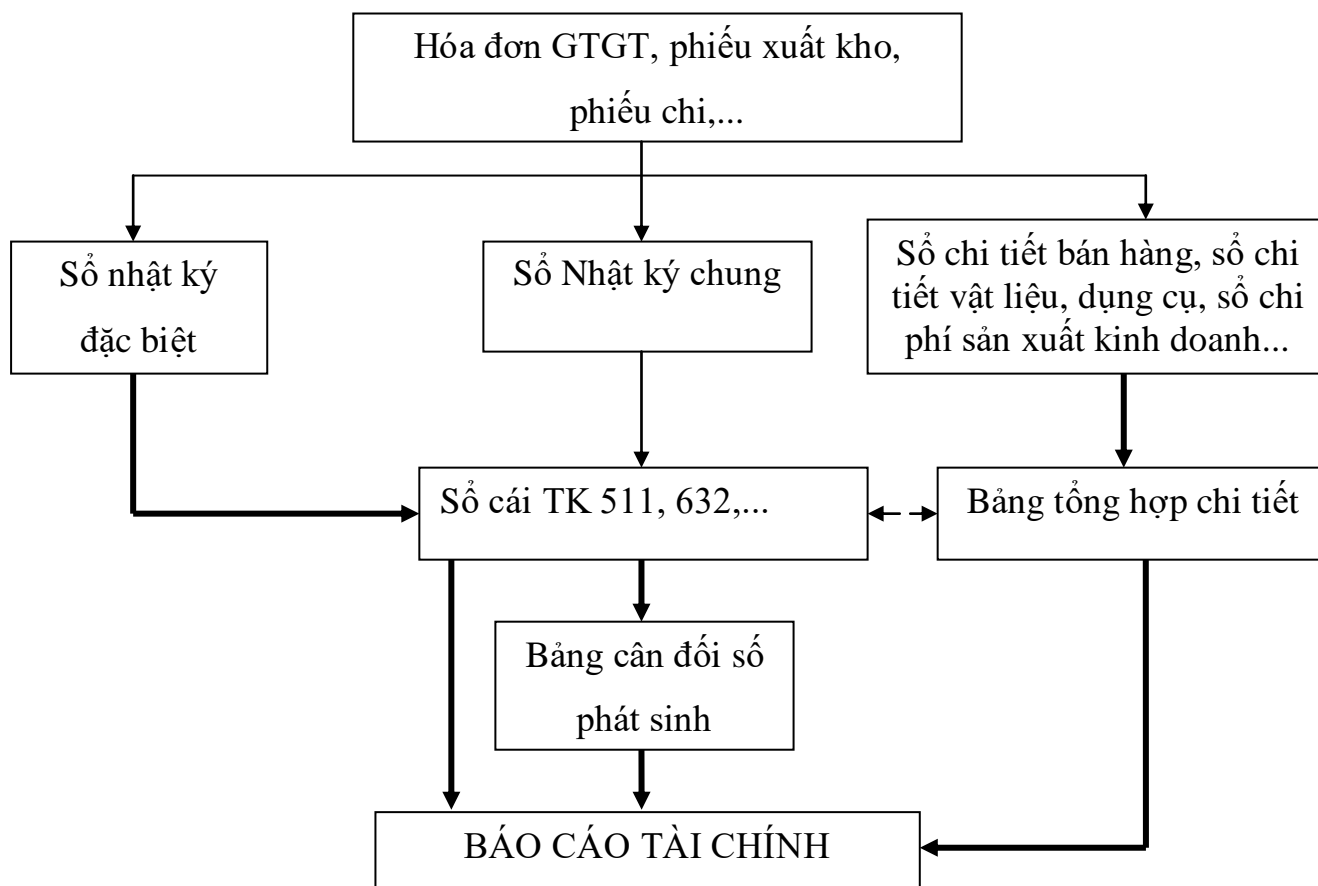
Sơ đồ 1-7: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh.

1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tập hợp từ chứng từ gốc, sau đó kế toán tiến hành ghi vào Sổ Nhật ký chung theo thứ tự thời gian. Sau đó căn cứ vào số liệu đó để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Đồng thời các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ, thẻ chi tiết kế toán liên quan.

Cuối tháng, quý, năm cộng số liệu trên Sổ cái, lập Biểu cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và biểu tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.



Sơ đồ 1-8: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung.

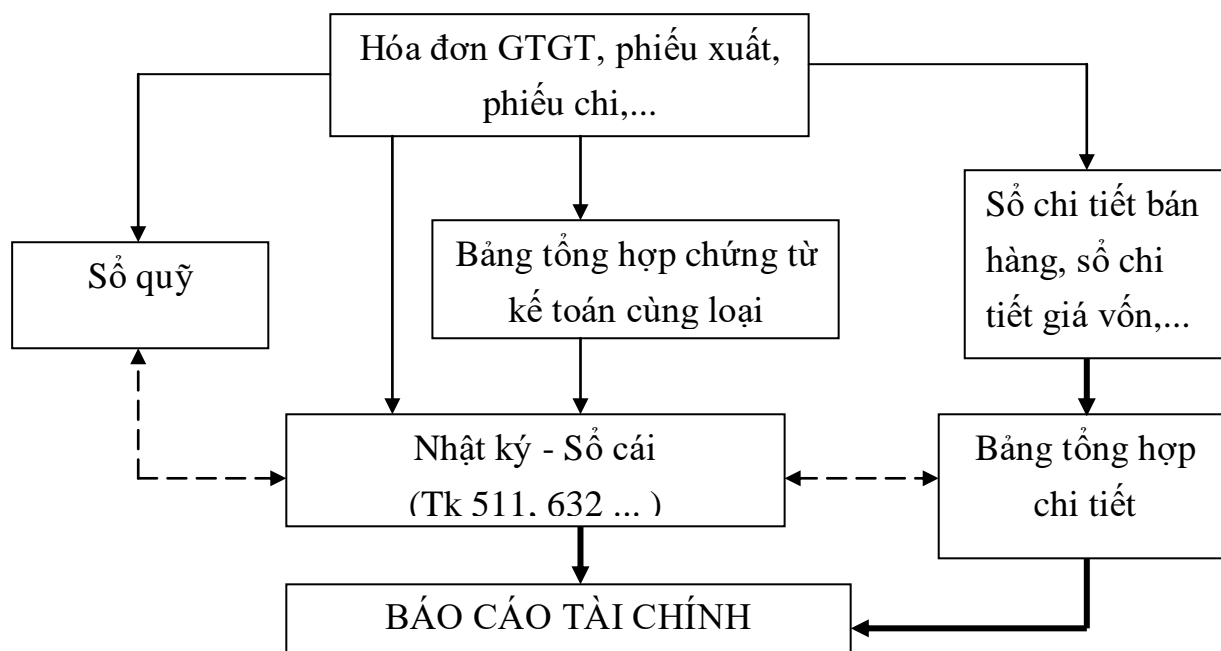
- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - > Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - ← - - -> Đối chiếu

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc biểu tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được làm căn cứ ghi sổ.

Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào sổ Nhật ký - Sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu ở cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ cái để ghi vào dòng cột phát sinh cuối tháng.



Sơ đồ 1-9: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - > Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - ← - - -> Đối chiếu

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

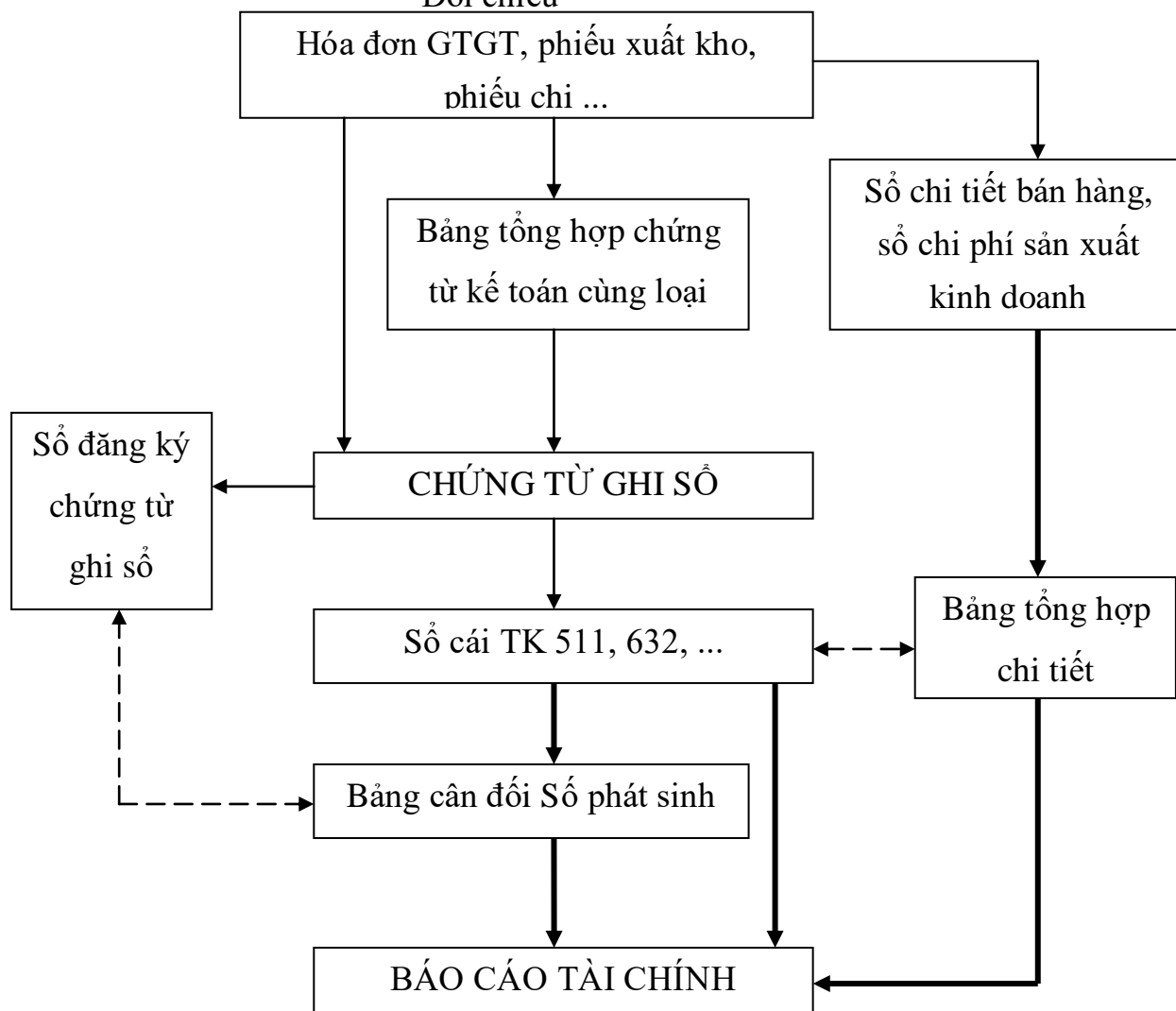
Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”

+ Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc biểu chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

+ Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trường kỳ trước khi ghi sổ kế toán.

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc biểu tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào các Sổ cái. Cuối tháng phải khóa sổ tính ra tổng tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng, căn cứ vào Sổ cái lập Biểu cân đối số phát sinh.

- Ghi chú:** —→ Ghi hàng ngày
 —→ Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 ←--→ Đối chiếu

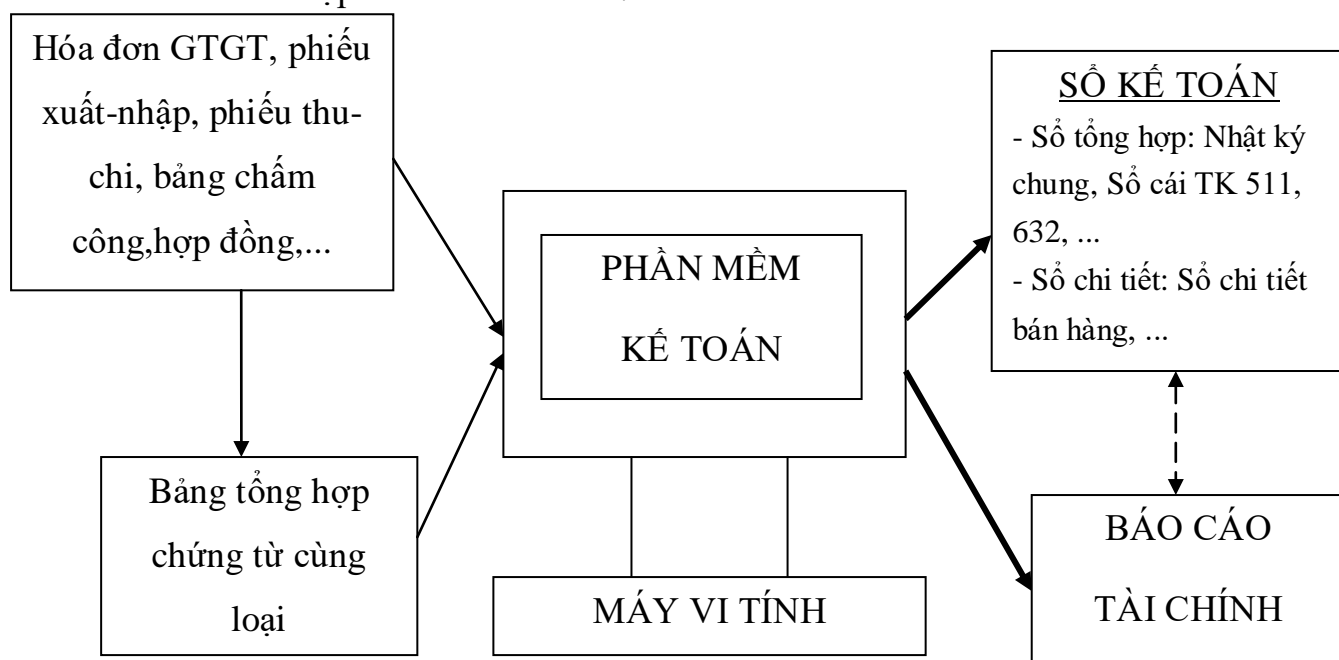


Sơ đồ 1-10: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

1.3.4. Hình thức kế toán trên Máy vi tính.

Đây là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong ba hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định là: Nhật ký chung, Nhật ký - Sổ cái, Chứng từ ghi sổ. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Biểu tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Cuối tháng, kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính.



Sơ đồ 1-11: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy

- Ghi chú:**
- Ghi hàng ngày
 - Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - ←--→ Đối chiếu

CHƯƠNG 2:
THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH KÍNH KA KỶ

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Kính Ka Kỳ.

| | |
|------------------------|--|
| Tên doanh nghiệp | : CÔNG TY TNHH KÍNH KA KỶ |
| Tên tiếng Anh | : KAKY GLASS COMPANY LIMITED |
| Địa chỉ | : Số 28 Nguyễn Đức Cảnh - Phường An Biên - Quận Lê Chân - Thành phố Hải Phòng. |
| Mã số thuế | : 0201151520 |
| Số điện thoại | : 02253.631403 |
| Vốn điều lệ | : 2.000.000.000 |
| Người đại diện pháp lý | : Đỗ Ka Kỳ |
| Loại hình doanh nghiệp | : Công ty TNHH có 2 thành viên trở lên |
| Quy mô | : Doanh nghiệp vừa và nhỏ |

Công ty TNHH Kính Ka Kỳ thành lập ngày 16 tháng 03 năm 2011.

Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0201151520 do Sở kế hoạch & đầu tư thành phố hải Phòng cấp.

Mặc dù là một doanh nghiệp vừa và nhỏ mới được thành lập vào năm 2011, nhưng Công ty TNHH Kính Ka Kỳ đã tạo được cho mình một vị thế có uy tín và vững chắc trong lĩnh vực buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong thị trường thành phố Hải Phòng, cũng như thị trường tại Việt Nam. Những năm qua, do nhận thấy tầm quan trọng cũng như tiềm năng của lĩnh vực sản xuất các sản phẩm làm từ kính,... công ty đã không ngừng mở rộng và phát triển thêm một số ngành nghề kinh doanh khác:

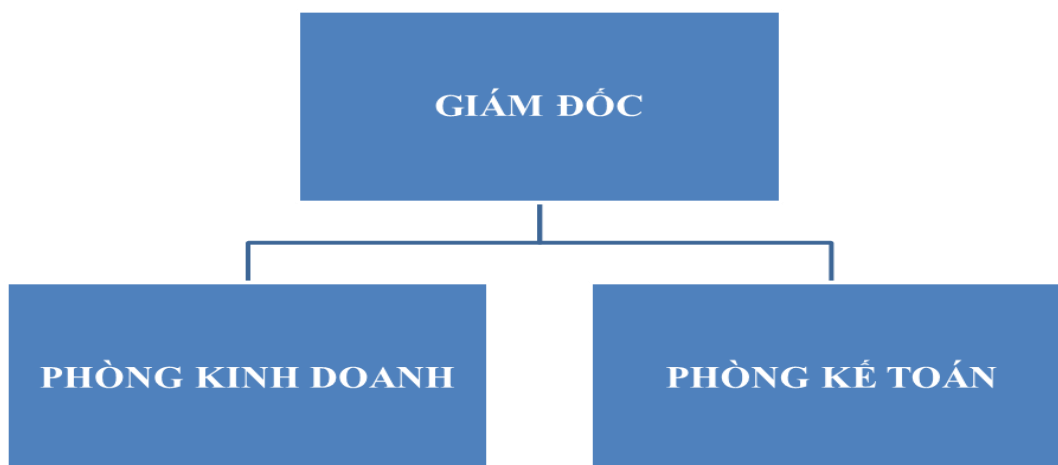
- Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh.
- Hoàn thiện công trình xây dựng.
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

– Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

→ nhờ đó nắm giữ được thị phần lớn trên thị trường, tích lũy thêm được nhiều kinh nghiệm, phục vụ tốt nhất cho lợi ích khách hàng.

Cùng với đó là đội ngũ cán bộ công nhân viên am hiểu về ngành, có nhiệt huyết, đoàn kết cùng nhau góp sức cho sự phát triển của công ty.

2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Kính Ka Kỳ.



Sơ đồ 2-1: Bộ máy quản lý tại công ty TNHH Kính Ka Kỳ

- **Giám đốc:** Là người có quyền lực cao nhất trong công ty. Giám đốc là người phụ trách chung tình hình kinh doanh của công ty, trực tiếp chỉ đạo hoạt động của công ty, trong đó đặc biệt là hoạt động của phòng kinh doanh và phòng kế toán tài vụ và là người chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động kế toán tài chính của công ty trước cơ quan quản lý của Nhà nước.

- **Phòng kinh doanh:** Bộ phận này làm nhiệm vụ tiếp cận khách hàng và nhà cung cấp, chuẩn bị các hợp đồng kinh tế, sản xuất, nhập khẩu hàng hóa và cung cấp hàng hóa cho khách hàng. Dựa trên các hợp đồng kinh tế đã ký kết, phòng kinh doanh lập kế hoạch rồi trực tiếp tiến hành nhập khẩu hàng hóa và cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng dưới sự chỉ đạo trực tiếp của giám đốc và kết hợp chặt chẽ với các phòng ban khác có liên quan.

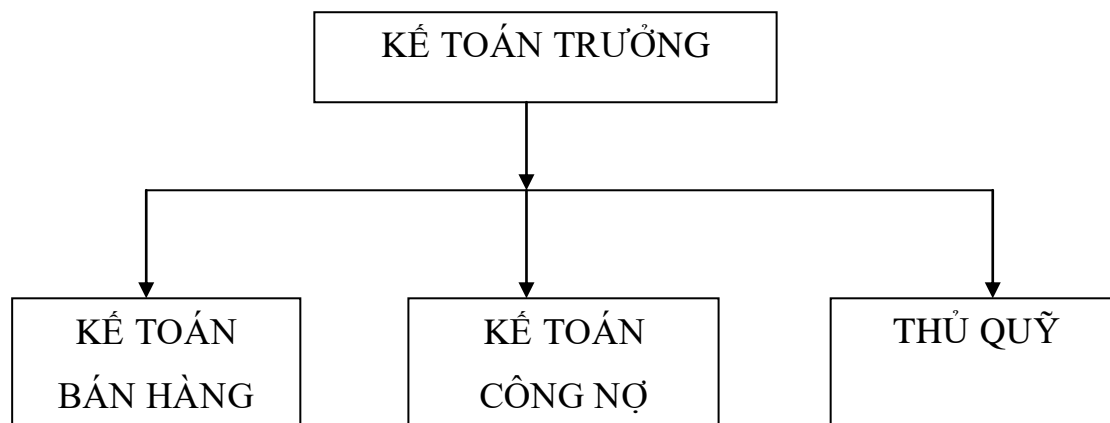
- **Phòng kế toán:** Thu thập, xử lý cung cấp thông tin cho hoạt động kinh doanh, cho công tác quản lý, tham mưu cho ban giám đốc lập và thực hiện tốt các kế hoạch tài chính và các báo cáo các quy định.

2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Kính Ka Kỳ.

2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán.

Bộ máy kế toán của công ty TNHH Kính Ka Kỳ được tổ chức theo hình thức tập trung gọn nhẹ, toàn bộ công tác kế toán từ việc xử lý chứng từ đến ghi sổ tổng hợp, lập báo cáo tài chính đều được tập trung thực hiện ở phòng kế toán.

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, với mô hình kế toán tập trung đã giúp bộ máy kế toán của công ty được gọn nhẹ, tiết kiệm chi phí, phù hợp với tình hình của công ty. Giúp cung cấp thông tin kịp thời cho các nhà quản lý trong việc ra quyết định.



Sơ đồ 2-2: Bộ máy kế toán tại công ty TNHH Kính Ka Kỳ

Nhân viên kế toán của công ty đều được đào tạo chính quy chuyên ngành kế toán, có thời gian làm kế toán tương đối lâu năm nên có nhiều kinh nghiệm trong công tác hạch toán kế toán.

– **Kế toán trưởng** : là người có trình độ chuyên môn cao, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực điều hành bộ máy kế toán của công ty, Có nhiệm vụ hướng dẫn, kiểm tra các nhân viên kế toán, duyệt các chứng từ mua bán, thu chi phát sinh. Kế toán trưởng là người giúp việc đắc lực cho giám đốc trong lĩnh vực tài chính kế toán

– **Kế toán bán hàng**: Ghi chép, phản ánh kịp thời, đầy đủ và chính xác tình hình bán hàng của doanh nghiệp trong kỳ, cả về giá trị và số lượng hàng bán trên tổng số và trên từng mặt hàng, từng địa điểm bán hàng, từng phương thức bán hàng.

– **Kế toán công nợ** : Theo dõi chi tiết công nợ của từng đối tượng của khách hàng. Thực hiện việc giao dịch thanh toán với bạn hàng và đối tác của công ty.

– **Thủ quỹ**: Theo dõi việc thu chi của công ty, chịu trách nhiệm thu chi tiền mặt tại công ty có chứng từ hợp lệ. Chi trả lương cho công nhân viên đúng hạn. Theo dõi việc giao dịch ngân hàng để đảm bảo việc kinh doanh của doanh nghiệp được liên tục.

2.1.3.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty TNHH Kính Ka Kỳ.

- Hình thức kế toán: Hình thức Nhật ký chung
- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch
- Đơn vị tiền tệ: đồng Việt Nam (VND)
- Phương pháp kê khai nộp thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ
- Phương pháp tính giá vật tư hàng hóa xuất kho: giá thực tế đích danh
- Phương pháp kế toán tổng hợp hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: phương pháp đường thẳng.

2.1.3.3. Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán.

Công ty tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC.

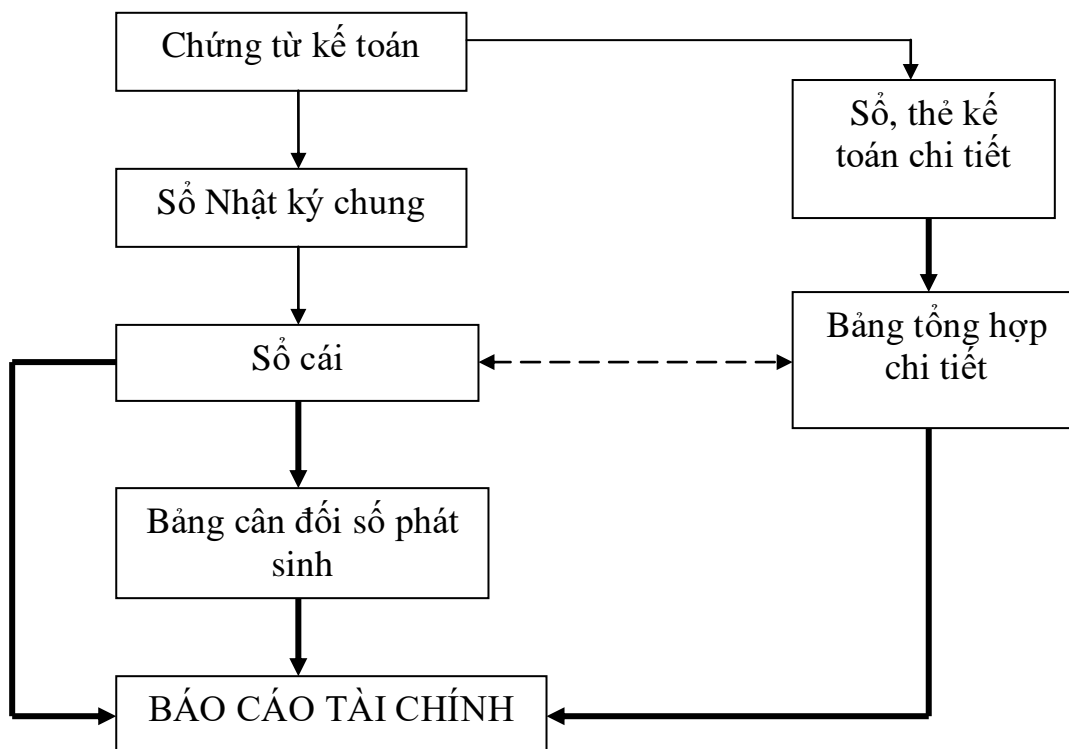
2.1.3.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi vào sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau :

- Sổ Nhật ký chung, Sổ cái
- Các sổ thẻ kế toán chi tiết

Về nguyên tắc, tổng số phát sinh nợ và có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên Sổ Nhật ký chung.



Sơ đồ 2-3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH Kính Ka Kỳ

- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - > Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - ←- - -> Đối chiếu

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Kính Ka Kỳ.

Bán hàng là quá trình chuyển quyền sở hữu hàng hóa gắn với việc chuyển giao phần lợi ích hoặc rủi ro cho khách hàng, đồng thời được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán. Quá trình bán hàng là giai đoạn cuối cùng của quá trình kinh doanh, nó có ý nghĩa đối với các doanh nghiệp bởi vì quá trình này giúp cho doanh nghiệp thu hồi vốn để tiếp tục chu kỳ kinh doanh tiếp theo.

Công ty TNHH kính Ka Kỳ - Cũng như mọi doanh nghiệp khác công tác kế toán tiêu thụ, doanh thu cung cấp dịch vụ và xác định kết quả kinh doanh được các nhà quản lý đặc biệt quan tâm. Nó phản ánh tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, là cơ sở để xác định nguồn tài chính, phục vụ cho những chiến lược mang tính tài chính của công ty.

Hiện nay, Công ty tiêu thụ hàng hóa theo phương thức bán hàng trực tiếp. Theo phương thức này, công ty có thể thu được tiền ngay hoặc được người mua chấp nhận thanh toán. Có hai phương thức thanh toán là:

- Thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt: áp dụng cho khách hàng mua ít, không thường xuyên hoặc những khách hàng có nhu cầu thanh toán ngay.
- Thanh toán qua ngân hàng: phương thức này được chuyển từ tài khoản người phải trả sang tài khoản người được hưởng thông qua ngân hàng và phải trả phí cho ngân hàng.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty TNHH Kính Ka Kỳ.

➤ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng,...
- Các chứng từ liên quan khác: Hợp đồng mua bán,...

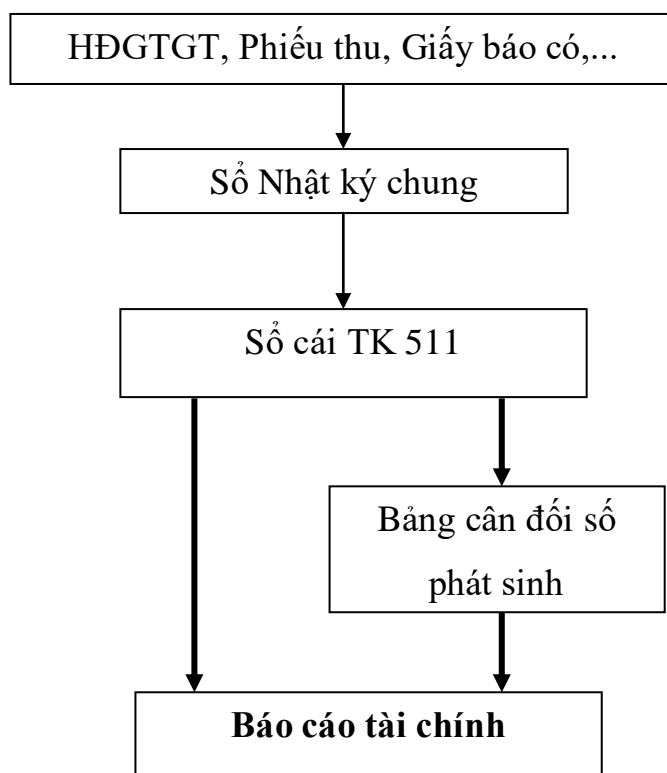
➤ Tài khoản sử dụng

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK liên quan khác: TK 111, TK 112, ...

➤ Quy trình hạch toán

Khi nhận được đơn hàng, yêu cầu đặt hàng của khách hàng kế toán thông báo cho nhân viên bán hàng chuẩn bị và đóng hàng cho khách. Kế toán kiểm tra lại hàng xem số lượng, chủng loại hàng hóa xem có đúng với yêu cầu hay không. Từ đó kế toán lập hóa đơn giá trị gia tăng bán hàng hóa.

Sơ đồ quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty Kính Ka Kỳ được khái quát qua sơ đồ 2-4:



Sơ đồ 2-4: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH Kính Ka Kỳ

Ghi chú: \longrightarrow Ghi hàng ngày
 \longrightarrow Ghi định kỳ

➤ **Ví dụ minh họa**

• *Ví dụ 1:* Ngày 20/10/2017, công ty xuất bán 35m² kính cường lực 12 ly cho Sở Tài chính Hải Phòng với tổng giá thanh toán là 17.325.000 VNĐ (đã bao gồm VAT 10%). Chưa thanh toán.

Định khoản:

Nợ TK 131: 17.325.000

Có TK 511: 15.750.000

Có TK 3331: 1.575.000

Căn cứ vào hóa đơn số 0000226 (Biểu số 2-1), kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (biểu số 2-4). Từ sổ nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK 511 (biểu số 2-5).

• *Ví dụ 2:* Ngày 25/10/2017, công ty xuất bán 0.6m² kính cường lực 10ly cho Công ty cổ phần thương mại Minh Dũng với tổng giá thanh toán là 316.800đ VNĐ (đã bao gồm VAT 10%). Thanh toán bằng tiền mặt.

Định khoản:

Nợ TK 111: 316.800

Có TK 511: 288.000

Có TK 3331: 28.800

Căn cứ vào hóa đơn số 0000228 (Biểu số 2-2), kế toán lập phiếu thu số 20/10 (biểu số 2-3). Từ đó hóa đơn số 0000228 và phiếu thu số 20/10 kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (biểu số 2-4). Từ sổ nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK 511 (biểu số 2-5).

Biểu số 2-1: Hóa đơn GTGT số 0000226 (chứng từ kèm theo trang bên)

Biểu số 2-2: Hóa đơn GTGT số 0000228 (chứng từ kèm theo trang bên)

Biểu số 2-3: Phiếu thu số PT20/10

Công Ty TNHH Kinh Ka Kỳ
Số 28 Nguyễn Đức Cảnh - P.An Biên - Q.Lê Chân - HP

Mẫu số: 01-TT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-
BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

PHIẾU THU

Ngày 25 tháng 10 năm 2017

Số: 20/10

Nợ TK 111: 316.800

Có TK 511: 288.000

Có TK 3331: 28.800

Họ và tên người nộp tiền: Nguyễn Văn Vinh

Địa chỉ: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH DŨNG

Lý do nộp: Thanh toán tiền hàng của HĐ GTGT0000228

Số tiền: 316.800

Bằng chữ: Ba trăm mười sáu nghìn tám trăm đồng chẵn.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 25 tháng 10 năm 2017

| | | | | |
|--------------|----------------|----------------|-----------------|--------------|
| Giám đốc | Kế toán trưởng | Người nộp tiền | Người lập phiếu | Thủ quỹ |
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) |

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Ba trăm mười sáu nghìn tám trăm đồng chẵn.

Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

Số tiền quy đổi:

Biểu số 2-4: Trích sổ Nhật ký chung

Công Ty TNHH Kính Ka Kỳ
Số 28 Nguyễn Đức Cảnh - P.An Biên - Q.Lê Chân - HP

Mẫu số: S03a-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của BTC)

**NHẬT KÝ CHUNG
NĂM 2017**

Đơn vị tính: Đồng

| Ngày tháng ghi số | CT | | Diễn giải | Đã ghi vào sổ cái | TK ĐƯ | Số tiền | |
|-------------------|--------------------------|-------|---|-------------------|-------|-----------------------|-----------------------|
| | SH | NT | | | | Nợ | Có |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 8/10 | PC04/10 | 8/10 | Chi tiền thuê xe tải chở và bốc dỡ hàng | x | 642 | 1.000.000 | |
| | | | | x | 133 | 100.000 | |
| | | | | x | 111 | | 1.100.000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 20/10 | P XK12/10 | 20/10 | Giá vốn 35m ² kính cường lực 12ly | x | 632 | 12.600.000 | |
| | | | | x | 156 | | 12.600.000 |
| 20/10 | HĐ00002 26 | 20/10 | Doanh thu bán 35m ² kính cường lực 12ly | x | 131 | 17.325.000 | |
| | | | | x | 511 | | 15.750.000 |
| | | | | x | 3331 | | 1.575.000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 25/10 | P XK14/10 | 25/10 | Giá vốn 0.6m ² kính cường lực 10ly | x | 632 | 222.000 | |
| | | | | x | 156 | | 222.000 |
| 25/10 | HĐ00002 28 PT20/10 | 25/10 | Doanh thu bán 0.6m ² kính cường lực 10ly | x | 111 | 316.800 | |
| | | | | x | 511 | | 288.000 |
| | | | | x | 3331 | | 28.800 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Tổng cộng | | | 39.912.470.480 | 39.912.470.480 |

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2-5: Trích Sổ Cái tài khoản 511

Công Ty TNHH Kính Ka Kỳ
Số 28 Nguyễn Đức Cảnh - P.An Biên - Q.Lê Chân - HP

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-
BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ CÁI
Năm 2017.

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Số hiệu: 511

Đơn vị tính: Đồng

| Ngày, tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | SH TK ĐƯ | Số tiền | |
|--------------------------|---------------|----------------|--|----------------|----------------------|----------------------|
| | Số hiệu | Ngày, Tháng | | | Nợ | Có |
| | | | Số phát sinh trong kỳ | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 20/10 | HĐ000 0226 | 20/10 | Doanh thu bán 35m ² kính cường lực 12ly | 131 | | 15.750.000 |
| 21/10 | HĐ000 0227 | 21/10 | Doanh thu bán 36m ² kính cường lực 12ly | 111 | | 16.200.000 |
| 25/10 | HĐ000 0228 | 25/10 | Doanh thu bán 0.6m ² kính cường lực 10ly | 111 | | 288.000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | PKT31 | 31/12 | Kết chuyển doanh thu năm 2017 | 911 | 4.398.659.931 | |
| | | | - Cộng số phát sinh năm | | 4.398.659.931 | 4.398.659.931 |

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Kính Ka Kỳ.

Giá vốn của hàng bán tại công ty là giá trị thực tế xuất kho của số hàng đã bán trong kỳ. Công ty tính giá vốn hàng bán theo phương pháp giá thực tế đích danh. Việc tính toán trị giá vốn hàng xuất bán có ý nghĩa vô cùng quan trọng bởi có tính toán đúng giá trị vốn hàng xuất bán mới xác định chính xác kết quả bán hàng. Hơn nữa, trị giá vốn của cửa hàng xuất bán thường chiếm tỷ trọng chủ yếu trong kỳ kinh doanh. Do đó, nếu không phản ánh đúng giá trị giá vốn sẽ dẫn tới kết quả bán hàng bị sai lệch.

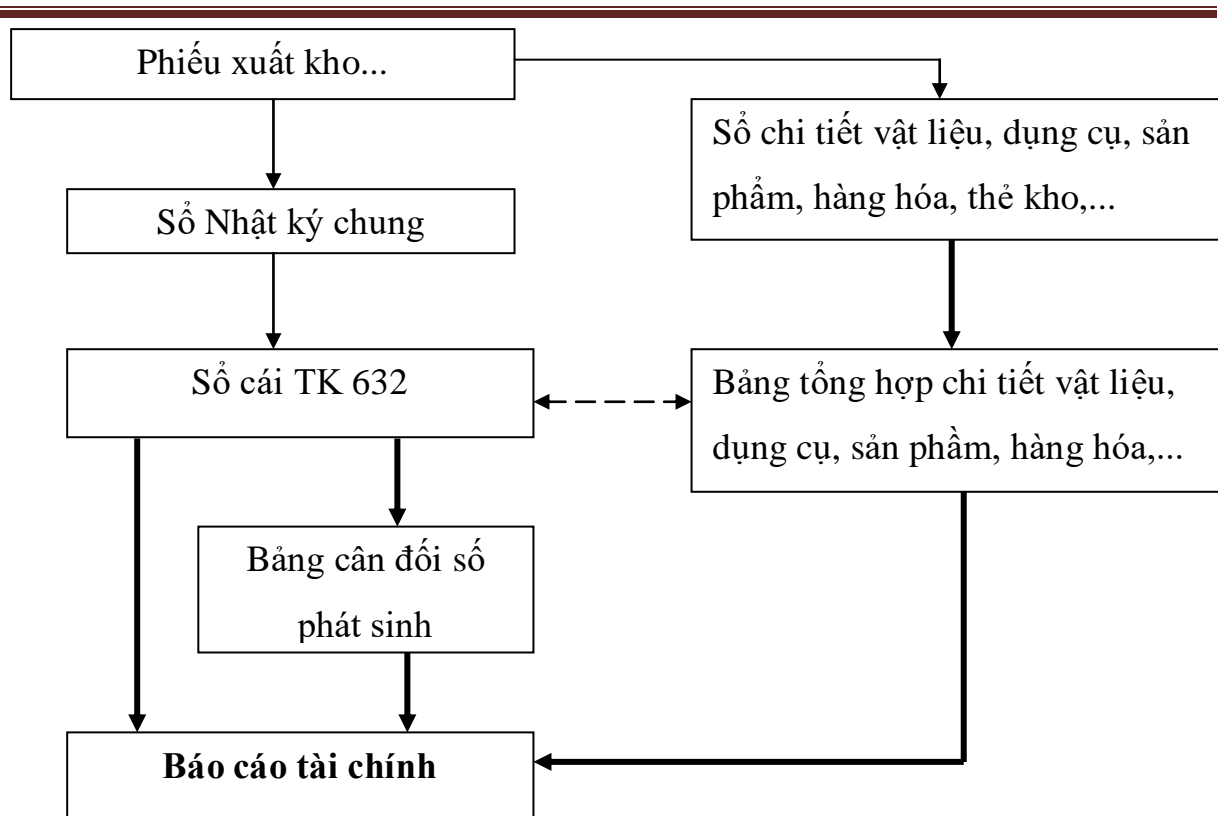
➤ Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác liên quan

➤ Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán
- Tài khoản 156: Hàng hóa

➤ Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2-5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH Kính Ka Kỳ

- Ghi chú:**
 —————> Ghi hàng ngày
 —————> Ghi định kỳ
 <---> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

➤ **Ví dụ minh họa**

• *Ví dụ 3(tiếp ví dụ 1):* Ngày 20/10/2017, công ty xuất bán 35m² kính cường lực 12 ly cho Sở Tài chính Hải Phòng theo hóa đơn số 0000226 ngày 20/10/2017.

• *Định khoản:*

Nợ TK 632: 12.600.000

Có TK 156: 12.600.000

• *Cách tính đơn giá xuất kho kính cường lực 12 ly:*

- Tồn đầu tháng 10 số lượng: 0 m²

- Nhập kho ngày 12/10/2017, số lượng: 35m²

Trị giá: 12.600.000, đơn giá: 360.000đ/m²

- Ngày 20/10/2017, xuất bán 35m²

Đơn giá xuất kho ngày 20/10/2017=360.000đ/m².

Trị giá xuất kho ngày 20/10/2017=360.000x35=12.600.000

Kế toán lập P XK12/10 (Biểu 2-6). Từ phiếu xuất kho ghi vào Sổ nhật ký chung (Biểu 2-8). Từ nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK632 (Biểu 2-9).

• *Ví dụ 4(tiếp ví dụ 2)*: Ngày 25/10/2017, công ty xuất bán 0.6m^2 kính cường lực 10 ly cho Công ty cổ phần thương mại Minh Dũng theo hóa đơn số 0000228 ngày 25/10/2017.

• *Định khoản*:

Nợ TK 632: 222.000

Có TK 156: 222.000

• *Cách tính đơn giá xuất kho kính cường lực 12 ly*:

- Tồn đầu tháng 10 số lượng: 0 m^2

- Nhập kho ngày 22/10/2017, số lượng: 0.6m^2

Trị giá: 222.000, đơn giá: $370.000\text{đ}/\text{m}^2$

- Ngày 25/10/2017, xuất bán 0.6m^2

Đơn giá xuất kho ngày 25/10/2017= $370.000\text{đ}/\text{m}^2$.

Trị giá xuất kho ngày 25/10/2017= $370.000 \times 0.6 = 222.000$

Kế toán lập P XK14/10 (Biểu 2-7). Từ phiếu xuất kho ghi vào Sổ nhật ký chung (Biểu 2-8). Từ nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK632 (Biểu 2-9).

Biểu số 2-6: Phiếu xuất kho số 12/10

Công Ty TNHH Kính Ka Kỳ
Số 28 Nguyễn Đức Cảnh - P.An Biên - Q.Lê Chân - HP

Mẫu số: 02-VT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

PHIẾU XUẤT KHO
Ngày 20 tháng 10 năm 2017
Số: 12/10

Nợ TK 632: 12.600.000
Có TK 156: 12.600.000

Họ và tên người nhận hàng: Lê Thị Hằng

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do xuất kho: Xuất bán hàng cho Sở tài chính Hải Phòng

Xuất tại kho: CÔNG TY

| Số TT | Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất, vật tư (sản phẩm, hàng hóa) | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
|-------|--|-------|----------------|---------------|-----------|---------|------------|
| | | | | Theo chứng từ | Thực Xuất | | |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 1 | Kính cường lực 12ly | | M ² | 35 | 35 | 360.000 | 12.600.000 |
| | | | | | | | |
| | Cộng | | | | | | 12.600.000 |

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười hai triệu sáu trăm đồng chẵn.

Số chứng từ gốc kèm theo: 1 chứng từ gốc

Ngày 20 tháng 10 năm 2017

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2-7: Phiếu xuất kho số 14/10

Công Ty TNHH Kính Ka Kỳ
Số 28 Nguyễn Đức Cảnh - P.An Biên - Q.Lê Chân - HP

Mẫu số: 02-VT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-
BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

PHIẾU XUẤT KHO
Ngày 25 tháng 10 năm 2017
Số: 14/10

Nợ TK 632: 222.000
Có TK 156: 222.000

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Văn Vinh

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do xuất kho: Xuất bán hàng cho công ty cổ phần thương mại Minh Dũng

Xuất tại kho: CÔNG TY

| Số TT | Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất, vật tư (sản phẩm, hàng hóa) | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
|-------|--|-------|----------------|---------------|-----------|---------|------------|
| | | | | Theo chứng từ | Thực Xuất | | |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 1 | Kính cường lực 10ly | | M ² | 0.6 | 0.6 | 370.000 | 222.000 |
| | | | | | | | |
| | Cộng | | | | | | 222.000 |

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai trăm hai mươi hai nghìn đồng chẵn.

Số chứng từ gốc kèm theo: 1 chứng từ gốc

Ngày 25 tháng 10 năm 2017

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2-8: Trích sổ Nhật ký chung

Công Ty TNHH Kính Ka Kỳ
Số 28 Nguyễn Đức Cảnh - P.An Biên - Q.Lê Chân - HP

Mẫu số: S03a-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của BTC)

**NHẬT KÝ CHUNG
NĂM 2017**

Đơn vị tính: Đồng

| Ngày tháng ghi sổ | CT | | Diễn giải | Đã ghi vào sổ cái | TK ĐƯ | Số tiền | |
|-------------------|--------------------------|-------|---|-------------------|-------|-----------------------|-----------------------|
| | SH | NT | | | | Nợ | Có |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 8/10 | PC04/10 | 8/10 | Chi tiền thuê xe tải chở và bốc dỡ hàng | x | 642 | 1.000.000 | |
| | | | | x | 133 | 100.000 | |
| | | | | x | 111 | | 1.100.000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 20/10 | P XK12/10 | 20/10 | Giá vốn 35m ² kính cường lực 12ly | x | 632 | 12.600.000 | |
| | | | | x | 156 | | 12.600.000 |
| 20/10 | HĐ00002 26 | 20/10 | Doanh thu bán 35m ² kính cường lực 12ly | x | 131 | 17.325.000 | |
| | | | | x | 511 | | 15.750.000 |
| | | | | x | 3331 | | 1.575.000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 25/10 | P XK14/10 | 25/10 | Giá vốn 0.6m ² kính cường lực 10ly | x | 632 | 222.000 | |
| | | | | x | 156 | | 222.000 |
| 25/10 | HĐ00002 28 PT20/10 | 25/10 | Doanh thu bán 0.6m ² kính cường lực 10ly | x | 111 | 316.800 | |
| | | | | x | 511 | | 288.000 |
| | | | | x | 3331 | | 28.800 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Tổng cộng | | | 39.912.470.480 | 39.912.470.480 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2-9: Trích Sổ cái Tài khoản 632

Công Ty TNHH Kính Ka Kỳ
Số 28 Nguyễn Đức Cảnh - P.An Biên - Q.Lê Chân - HP

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ CÁI

Năm 2017.

Tên tài khoản: **Giá vốn hàng bán**

Số hiệu: **632**

Đơn vị tính: **Đồng**

| Ngày, tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | SH TK ĐƯ | Số tiền | |
|--------------------|-----------|-------------|--|----------|----------------------|----------------------|
| | Số hiệu | Ngày, Tháng | | | Nợ | Có |
| | | | -Số phát sinh trong kỳ | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 20/10 | PXK 12/10 | 20/10 | Xuất kho bán 35m ² kính cường lực 12 ly | 156 | 12.600.000 | |
| 21/10 | PXK 13/10 | 21/10 | Xuất kho bán 36m ² kính cường lực 12 ly | 156 | 12.960.000 | |
| 25/10 | PXK 14/10 | 25/10 | Xuất kho bán 0.6m ² kính cường lực 10ly | 156 | 222.000 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | PKT3 2 | 31/12 | Kết chuyển giá vốn hàng bán | 911 | | 3.597.725.240 |
| | | | - Cộng số phát sinh năm | | 3.597.725.240 | 3.597.725.240 |

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH Kính Ka Kỳ.

Để tiến hành hoạt động kinh doanh Công ty phải bỏ ra những loại chi phí gọi là chi phí kinh doanh. Tại công ty TNHH Kính Ka Kỳ, chi phí quản lý kinh doanh bao gồm:

- Chi phí về lương công nhân viên trong công ty.
- Chi phí về vận chuyển, văn phòng phẩm và các khoản chi phí khác.

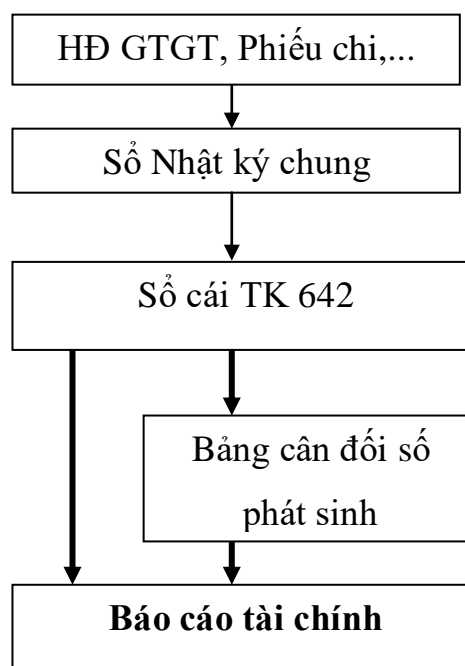
➤ **Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, ủy nhiệm chi
- Biểu thanh toán lương
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ **Tài khoản sử dụng**

- TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh

➤ **Quy trình hạch toán**



Sơ đồ 2-6: Sơ đồ quy trình hạch toán chi phí kinh doanh theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH Kính Ka Kỳ

Ghi chú: \longrightarrow Ghi hàng ngày
 \longrightarrow Ghi định kỳ

➤ Ví dụ minh họa 5:

Ngày 8/10/2017, công ty chi tiền mặt 1.100.000 (đã bao gồm VAT) thanh toán tiền thuê xe tải chở và bốc dỡ hàng cho công ty Taxi Tải Hoa Vinh.

• Định khoản:

Nợ TK 642: 1.000.000

Nợ TK 133: 100.000

Có TK 111: 1.100.000

Căn cứ vào HĐ GTGT số 0001086 (biểu 2-10), kế toán tiến hành lập phiếu chi 04/10 (Biểu 2-11). Từ đó ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu 2-12). Từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK 642 (biểu 2-13).

Biểu số 2-10: Hóa đơn GTGT số 0001086

| | | | | | |
|--|---|---------------------------|-----------------|--|------------|
| HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Liên 2: Giao khách hàng) Ngày 08/10/2017 | Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: TC/16P Số: 0001086 | | | | |
| Đơn vị bán hàng: Công ty Taxi Tải Hoa Vinh Mã số thuế: 0201643184 Địa chỉ: 37/591 Thiên Lô, Quận Lê Chân, TP. Hải Phòng. Điện thoại/Fax: (0225) 3555666 Số tài khoản: 0031220334557 - Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh HP | | | | | |
| Họ tên người mua hàng: Trần Văn Tuấn Tên đơn vị: Công ty TNHH Kính Ka Kỳ Mã số thuế: 0201115520 Địa chỉ: Số 28 Nguyễn Đức Cảnh - Phường An Biên - Quận Lê Chân - TP. Hải Phòng Hình thức thanh toán: Tiền mặt Số tài khoản: 0031000223331 | | | | | |
| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | ĐVT | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=4x5 |
| 1 | Cước vận tải bốc dỡ | | | | 1.000.000 |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 1.000.000 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | | Tiền thuế GTGT: | | 100.000 |
| Tổng cộng thanh toán: | | | | | 1.100.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: Một triệu một trăm ngàn đồng chẵn. | | | | | |
| Người mua hàng (Đã ký) | | Người bán hàng (Đã ký) | | Thủ trưởng đơn vị (Đã ký và đóng dấu) | |
| (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) | | | | | |

Biểu số 2-11: Phiếu chi số PC04/10

Công Ty TNHH Kính Ka Kỳ
Số 28 Nguyễn Đức Cảnh - P.An Biên - Q.Lê Chân - HP

Mẫu số: 02-TT
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-
BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 08 tháng 10 năm 2017

Số: PC04/10

Nợ TK 642: 1.000.000

Nợ TK 133: 100.000

Có TK 111: 1.100.000

Họ và tên người nhận tiền: Trần Văn Sơn

Địa chỉ: Công ty Taxi Hoa Vinh

Lý do chi: Chi tiền thuê xe tải chở và bốc dỡ hàng

Số tiền: 1.100.000

Bằng chữ: Một triệu một trăm ngàn đồng chẵn.

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 08 tháng 10 năm 2017

| | | | | |
|--------------|----------------|-----------------|-----------------|--------------|
| Giám đốc | Kế toán trưởng | Người nhận tiền | Người lập phiếu | Thủ quỹ |
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) |

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một triệu một trăm đồng chẵn.

Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

Số tiền quy đổi:

Biểu số 2-12: Trích Sổ nhật ký chung

Công Ty TNHH Kính Ka Kỳ
Số 28 Nguyễn Đức Cảnh - P.An Biên - Q.Lê Chân -
HP

Mẫu số: S03a-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của BTC)

**NHẬT KÝ CHUNG
NĂM 2017**

Đơn vị tính: Đồng

| Ngày tháng ghi sổ | CT | | Diễn giải | Đã ghi vào sổ cái | TK ĐƯ | Số tiền | |
|-------------------|--------------------------|-------|---|-------------------|-------|-----------------------|-----------------------|
| | SH | NT | | | | Nợ | Có |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 8/10 | PC04/10 | 8/10 | Chi tiền thuê xe tải chở và bốc dỡ hàng | x | 642 | 1.000.000 | |
| | | | | x | 133 | 100.000 | |
| | | | | x | 111 | | 1.100.000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 20/10 | P XK12/10 | 20/10 | Giá vốn 35m ² kính cường lực 12ly | x | 632 | 12.600.000 | |
| | | | | x | 156 | | 12.600.000 |
| 20/10 | HĐ00002 26 | 20/10 | Doanh thu bán 35m ² kính cường lực 12ly | x | 131 | 17.325.000 | |
| | | | | x | 511 | | 15.750.000 |
| | | | | x | 3331 | | 1.575.000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 25/10 | P XK14/10 | 25/10 | Giá vốn 0.6m ² kính cường lực 10ly | x | 632 | 222.000 | |
| | | | | x | 156 | | 222.000 |
| 25/10 | HĐ00002 28 PT20/10 | 25/10 | Doanh thu bán 0.6m ² kính cường lực 10ly | x | 111 | 316.800 | |
| | | | | x | 511 | | 288.000 |
| | | | | x | 3331 | | 28.800 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Tổng cộng | | | 39.912.470.480 | 39.912.470.480 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2-13: Sổ cái TK 642

Công Ty TNHH Kinh Ka Kỳ
Số 28 Nguyễn Đức Cảnh - P.An Biên - Q.Lê Chân - HP

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ CÁI
Năm 2017.

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: Đồng

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | SH TKĐƯ | Số tiền | |
|--------------------|----------|-------------|---|---------|--------------------|--------------------|
| | Số hiệu | Ngày, Tháng | | | Nợ | Có |
| | | | Số phát sinh trong kỳ | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 08/10 | PC04/10 | 08/10 | Chi tiền thuê xe tải chở và bốc dỡ hàng | 111 | 1.000.000 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 29/10 | PC10/10 | 29/10 | Chi tiền mua văn phòng phẩm | 111 | 250.000 | |
| 30/10 | PC11/10 | 30/10 | Chi tiền điện thoại văn phòng | 111 | 356.432 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | PKT32 | 31/12 | Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh | 911 | | 620.835.437 |
| | | | - Cộng số phát sinh năm | | 620.835.437 | 620.835.437 |

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

– Doanh thu hoạt động tài chính của công ty TNHH Kính Ka Kỳ bao gồm các khoản lãi như: lãi tiền gửi ngân hàng,...

– Trong năm 2017, công ty không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến chi phí tài chính.

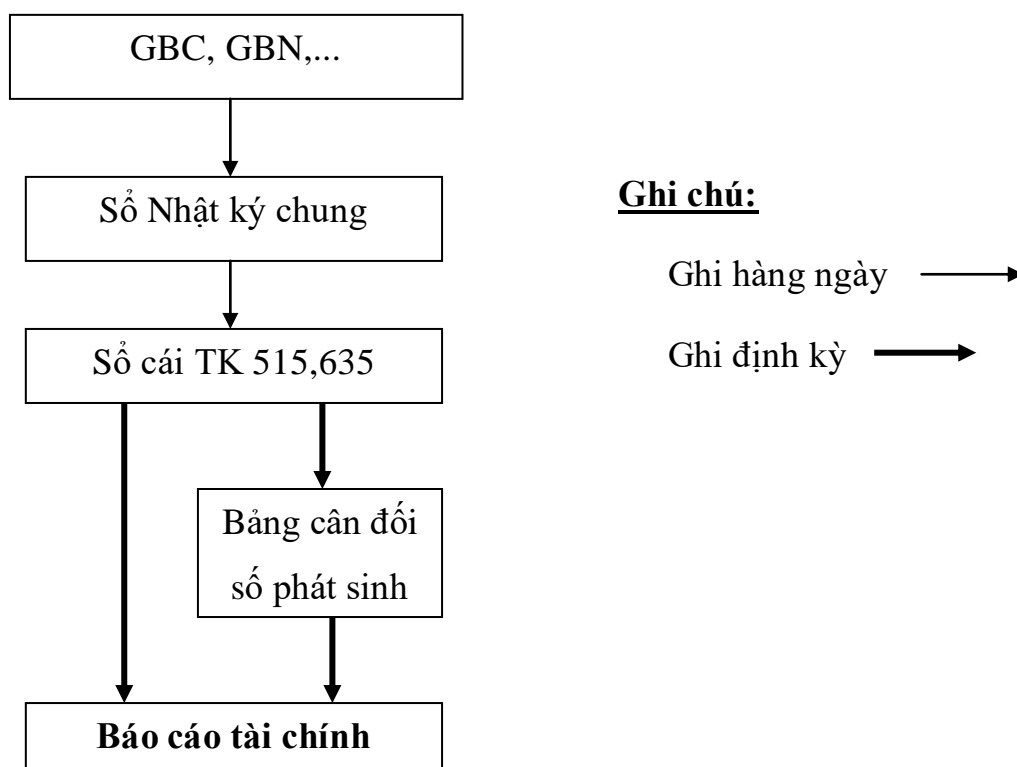
➤ **Chứng từ sử dụng**

- Giấy báo có, giấy báo nợ
- Chứng từ giao dịch của ngân hàng

➤ **Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính
- Tài khoản 635: Chi phí tài chính

➤ **Quy trình hạch toán**



Sơ đồ 2-7: Quy trình hạch toán hoạt động tài chính theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH Kính Ka Kỳ

➤ *Ví dụ minh họa:*

Ví dụ 1: Ngày 25/10/2017, ngân hàng Vietcombank trả lãi tiền gửi, số tiền là 23.511 đồng.

• *Kế toán định khoản*

Nợ TK 112: 23.511

Có TK 515: 23.511

Căn cứ vào Giấy báo có của ngân hàng Vietcombank (biểu 2-14), kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2-16), sau đó tiến hành ghi vào Sổ cái TK 515 (biểu 2-17).

Biểu số 2-14: Giấy báo có của ngân hàng Vietcombank (vd1) (chứng từ kèm theo bên trang sau)

Biểu số 2-15: Trích sổ Nhật ký chung

Công Ty TNHH Kinh Ka Kỳ
Số 28 Nguyễn Đức Cảnh - P.An Biên - Q.Lê Chân - HP

Mẫu số: S03a-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của BTC)

**NHẬT KÝ CHUNG
NĂM 2017**

Đơn vị tính: Đồng

| Ngày tháng ghi sổ | CT | | Diễn giải | Đã ghi vào sổ cái | TK ĐƯ | Số tiền | |
|-------------------|---------|-------|---|-------------------|-------|-----------------------|-----------------------|
| | SH | NT | | | | Nợ | Có |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 08/10 | PC04/10 | 08/10 | Chi tiền thuê xe tải chở và bốc dỡ hàng | x | 642 | 1.000.000 | |
| | | | | x | 133 | 100.000 | |
| | | | | x | 111 | | 1.100.000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 25/10 | GBC2510 | 25/10 | Lãi tiền gửi tháng 10/2017 | x | 112 | 23.511 | |
| | | | | x | 515 | | 23.511 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 29/10 | PC10/10 | 29/10 | Chi tiền mua văn phòng phẩm | x | 642 | 250.000 | |
| | | | | x | 133 | 25.000 | |
| | | | | x | 111 | | 275.000 |
| 30/10 | PC11/10 | 30/10 | Chi tiền điện thoại văn phòng | x | 642 | 356.432 | |
| | | | | x | 133 | 35.643 | |
| | | | | x | 111 | | 392.075 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Tổng cộng | | | 39.912.470.480 | 39.912.470.480 |

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2-16: Sổ cái TK 515

Công Ty TNHH Kinh Ka Kỳ
Số 28 Nguyễn Đức Cảnh - P.An Biên - Q.Lê Chân - HP

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ CÁI
Năm 2017.

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị tính: Đồng

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | SH TK ĐƯ | Số tiền | |
|--------------------|-------------|-------------|--|----------|----------------|----------------|
| | Số hiệu | Ngày, Tháng | | | Nợ | Có |
| | | | Số phát sinh trong kỳ | | | |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 25/10 | GBC2 510 | 25/10 | Lãi tiền gửi tháng 10/2017 | 112 | | 23.511 |
| 25/11 | GBC2 511 | 25/11 | Lãi tiền gửi tháng 11/2017 | 112 | | 9.875 |
| 25/12 | GBC2 512 | 25/12 | Lãi tiền gửi tháng 12/2017 | 112 | | 12.214 |
| 31/12 | PKT31 | 31/12 | Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính | 911 | 726.070 | |
| | | | - Cộng số phát sinh năm | | 726.070 | 726.070 |

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

Trong năm 2017, công ty không phát sinh nghiệp vụ nào liên quan tới thu nhập khác và chi phí khác.

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

➤ **Chứng từ sử dụng**

– Phiếu kế toán

➤ **Tài khoản sử dụng**

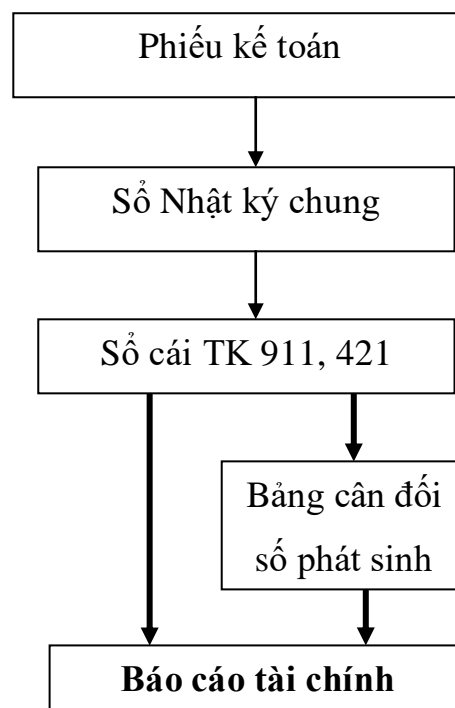
- Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán
- Tài khoản 635: Chi phí hoạt động tài chính
- Tài khoản 642: Chi phí quản lý kinh doanh
- Tài khoản 821: Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp
- Tài khoản 911: Xác định kết quả hoạt động kinh doanh
- Tài khoản 421: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- Tài khoản 711: Thu nhập khác
- Tài khoản 811: Chi phí khác

➤ **Quy trình hạch toán**

Ghi chú:

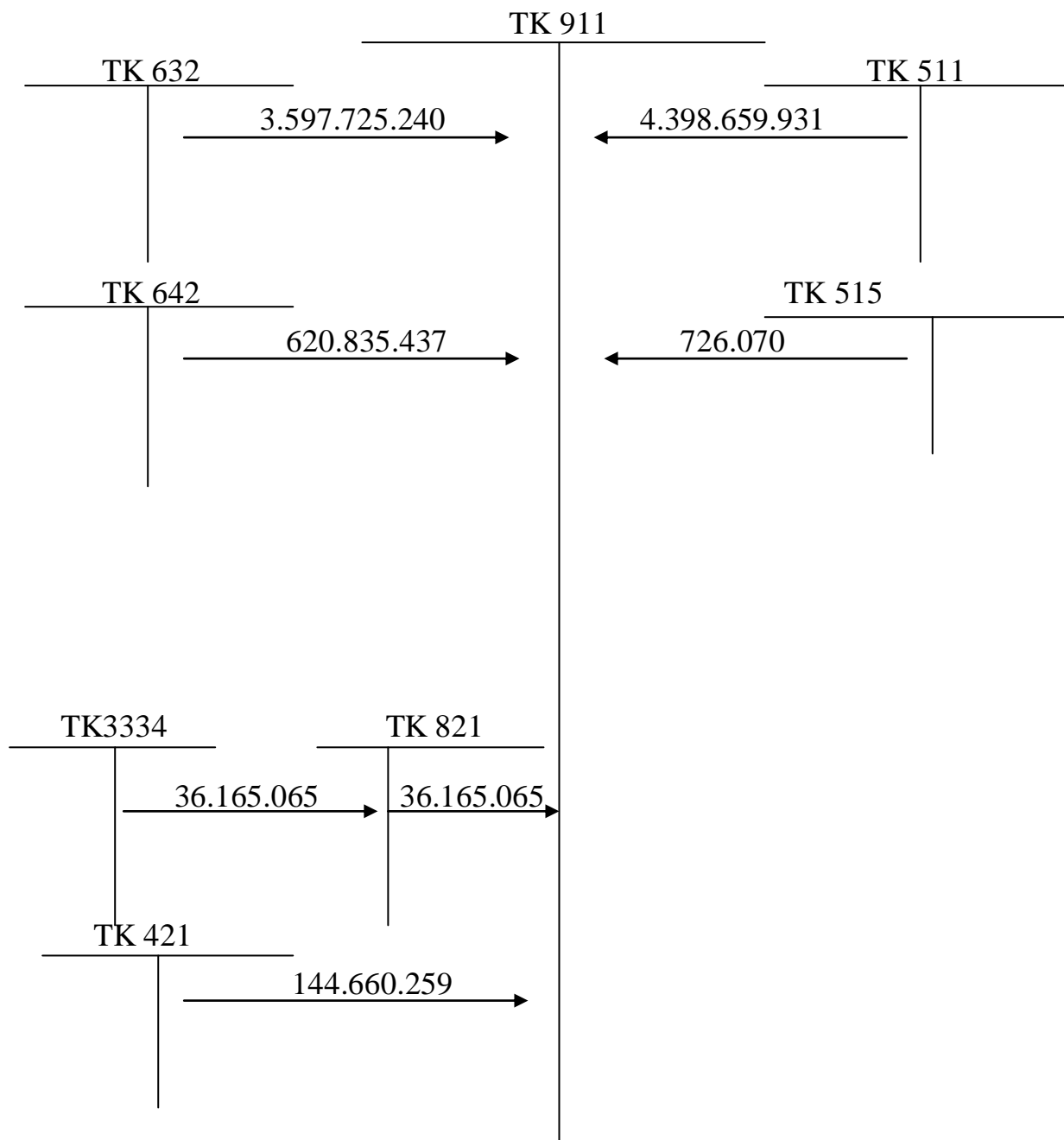
Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ →



Sơ đồ 2-8: Quy trình xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH Kính Ka Kỳ

Kết quả kinh doanh năm 2017 của công ty được khái quát qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 2-9: Xác định kết quả kinh doanh 2017 của công ty

Biểu số 2-17: Phiếu kế toán số 31**Công Ty TNHH Kính Ka Kỳ**

Số 28 Nguyễn Đức Cảnh - P.An Biên - Q.Lê Chân - HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Số: 31

Đơn vị tính: Đồng

Diễn giải: Kết chuyển doanh thu năm 2017

| Tài khoản | Tên tài khoản | Số phát sinh | |
|-----------|--|---------------|---------------|
| | | Nợ | Có |
| 511 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 4.398.659.931 | |
| 515 | Doanh thu hoạt động tài chính | 726.070 | |
| 911 | Xác định kết quả kinh doanh | | 4.399.386.001 |
| Tổng cộng | | 4.399.386.001 | 4.399.386.001 |

Người lập
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Biểu số 2-18: Phiếu kế toán số 32**Công Ty TNHH Kính Ka Kỳ**

Số 28 Nguyễn Đức Cảnh - P.An Biên - Q.Lê Chân - HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Số: 32

Đơn vị tính: Đồng

Diễn giải: Kết chuyển chi phí năm 2017

| Tài khoản | Tên tài khoản | Số phát sinh | |
|-----------|-----------------------------|---------------|---------------|
| | | Nợ | Có |
| 911 | Xác định kết quả kinh doanh | 4.218.560.677 | |
| 632 | Giá vốn hàng bán | | 3.597.725.240 |
| 642 | Chi phí quản lý kinh doanh | | 620.835.437 |
| Tổng cộng | | 4.218.560.677 | 4.218.560.677 |

Người lập
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Biểu số 2-19: Phiếu kế toán số 33**Công Ty TNHH Kính Ka Kỳ**

Số 28 Nguyễn Đức Cảnh - P.An Biên - Q.Lê Chân - HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Số: 33

Đơn vị tính: Đồng

Diễn giải: Xác định thuế TNDN phải nộp

| Tài khoản | Tên tài khoản | Số phát sinh | |
|-----------|-------------------|--------------|------------|
| | | Nợ | Có |
| 821 | Chi phí thuế TNDN | 36.165.065 | |
| 3334 | Thuế TNDN | | 36.165.065 |
| Tổng cộng | | 36.165.065 | 36.165.065 |

Người lập
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Biểu số 2-20: Phiếu kế toán số 34**Công Ty TNHH Kính Ka Kỳ**

Số 28 Nguyễn Đức Cảnh - P.An Biên - Q.Lê Chân - HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Số: 34

Đơn vị tính: Đồng

Diễn giải: Kết chuyển chi phí thuế TNDN năm 2017

| Tài khoản | Tên tài khoản | Số phát sinh | |
|-----------|-----------------------------|--------------|------------|
| | | Nợ | Có |
| 911 | Xác định kết quả kinh doanh | 36.165.065 | |
| 821 | Chi phí thuế TNDN | | 36.165.065 |
| Tổng cộng | | 36.165.065 | 36.165.065 |

Người lập
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Biểu số 2-21: Phiếu kế toán số 35**Công Ty TNHH Kính Ka Kỳ**

Số 28 Nguyễn Đức Cảnh - P.An Biên - Q.Lê Chân - HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Số: 35

Đơn vị tính: Đồng

Diễn giải: Kết chuyển lãi năm 2017

| Tài khoản | Tên tài khoản | Số phát sinh | |
|-----------|-----------------------------|--------------|-------------|
| | | Nợ | Có |
| 911 | Xác định kết quả kinh doanh | 144.660.259 | |
| 421 | Lợi nhuận chưa phân phối | | 144.660.259 |
| Tổng cộng | | 144.660.259 | 144.660.259 |

Người lập
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Biểu số 2-22: Trích sổ nhật ký chung

Công Ty TNHH Kính Ka Kỳ
Số 28 Nguyễn Đức Cảnh - P.An Biên - Q.Lê Chân -
HP

Mẫu số: S03a-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của BTC)

**NHẬT KÝ CHUNG
NĂM 2017**

Đơn vị tính: Đồng

| Ngày tháng ghi sổ | CT | | Diễn giải | Đã ghi vào sổ cái | TK ĐƯ | Số tiền | |
|-------------------|-------|-------|-------------------------------|-------------------|-------|-----------------------|-----------------------|
| | SH | NT | | | | Nợ | Có |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 31/12 | PKT31 | 31/12 | Kết chuyển doanh thu năm 2017 | x | 511 | 4.398.659.931 | |
| | | | | x | 515 | 726.070 | |
| | | | | x | 911 | | 4.399.386.001 |
| 31/12 | PKT32 | 31/12 | Kết chuyển chi phí năm 2017 | x | 911 | 4.218.560.677 | |
| | | | | x | 632 | | 3.597.725.240 |
| | | | | x | 642 | | 620.835.437 |
| 31/12 | PKT33 | 31/12 | Xác định thuế TNDN phải nộp | x | 821 | 36.165.065 | |
| | | | | x | 3334 | | 36.165.065 |
| 31/12 | PKT34 | 31/12 | Kết chuyển chi phí thuế TNDN | x | 911 | 36.165.065 | |
| | | | | x | 821 | | 36.165.065 |
| 31/12 | PKT35 | 31/12 | Kết chuyển lãi | x | 911 | 144.660.259 | |
| | | | | x | 421 | | 144.660.259 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| | | | Tổng cộng | | | 39.912.470.480 | 39.912.470.480 |

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2-23: Sổ cái TK 911

Công Ty TNHH Kinh Ka Kỳ
Số 28 Nguyễn Đức Cảnh - P.An Biên - Q.Lê Chân - HP

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ CÁI
Năm 2017

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: Đồng

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | SH TKĐ U | Số tiền | |
|--------------------|----------|-------------|--------------------------------|----------|----------------------|----------------------|
| | Số hiệu | Ngày, Tháng | | | Nợ | Có |
| | | | Số phát sinh trong kỳ | | | |
| 31/12 | PKT31 | 31/12 | Kết chuyển doanh thu năm 2017 | 511 | | 4.398.659.931 |
| | | | | 515 | | 726.070 |
| 31/12 | PKT32 | 31/12 | Kết chuyển chi phí năm 2017 | 632 | 3.597.725.240 | |
| | | | | 642 | 620.835.437 | |
| 31/12 | PKT34 | 31/12 | Kết chuyển chi phí thuế TNDN | 821 | 36.165.065 | |
| 31/12 | PKT35 | 31/12 | Kết chuyển lãi | 421 | 144.660.259 | |
| | | | - Cộng số phát sinh năm | | 4.399.386.001 | 4.399.386.001 |

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2-24: Sổ cái TK 821

Công Ty TNHH Kinh Ka Kỳ
Số 28 Nguyễn Đức Cảnh - P.An Biên - Q.Lê Chân - HP

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ CÁI
Năm 2017.

Tên tài khoản: Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: 821
Đơn vị tính: Đồng

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | SH TKĐ U | Số tiền | |
|--------------------|-----------|-------------|--------------------------------|----------|-------------------|-------------------|
| | Số hiệu | Ngày, Tháng | | | Nợ | Có |
| | | | Số phát sinh trong kỳ | | | |
| 31/12 | PKT3 3 | 31/12 | Xác định thuế TNDN phải nộp | 3334 | 36.165.065 | |
| 31/12 | PKT34 | 31/12 | Kết chuyển chi phí thuế TNDN | 911 | | 36.165.065 |
| | | | - Cộng số phát sinh năm | | 36.165.065 | 36.165.065 |

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2-255: Sổ cái TK 421

Công Ty TNHH Kinh Ka Kỳ
Số 28 Nguyễn Đức Cảnh - P.An Biên - Q.Lê Chân - HP

Mẫu số: S03b-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ CÁI
Năm 2017.

Tên tài khoản: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Số hiệu: 421

Đơn vị tính: Đồng

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | SH TKĐ U | Số tiền | |
|--------------------|----------|-------------|--------------------------------|----------|---------|--------------------|
| | Số hiệu | Ngày, Tháng | | | Nợ | Có |
| | | | Số dư đầu kỳ | | | 207.723.180 |
| | | | Số phát sinh trong kỳ | | | |
| 31/12 | PKT35 | 31/12 | Kết chuyển lãi | 911 | | 144.660.259 |
| | | | - Cộng số phát sinh năm | | - | 144.660.259 |
| | | | - Số dư cuối năm | | | 352.383.439 |

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3:**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH KÍNH KA KỲ****3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Kính Ka Kỳ.**

Cùng với sự phát triển của đất nước trong nền kinh tế thị trường, với mục tiêu giữ vững thị trường và tăng trưởng nhanh là trách nhiệm và mong muốn của toàn bộ cán bộ nhân viên trong Công ty. Tuy mới thành lập và đi vào hoạt động được 07 năm, nhưng nay Công ty đã trở thành một trong những doanh nghiệp có uy tín. Trong công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng, luôn được củng cố, hoàn thiện và đã trở thành một công cụ đắc lực trong quản lý và hạch toán của Công ty. Hệ thống kế toán của Công ty được tổ chức tương đối hoàn chỉnh, gọn nhẹ, nắm chắc chức năng của từng bộ phận mà mình quản lý.

Bằng những kiến thức đã học cộng với thực tế em đã rút ra một số ý kiến nhận xét, đánh giá riêng của mình như sau.

Em hi vọng sẽ đóng góp một phần nhỏ bé để công tác kế toán của công ty ngày càng hoàn thiện hơn.

3.1.1. Ưu điểm**3.1.1.1. Về tổ chức quản lý kinh doanh***a. Về tổ chức bộ máy quản lý*

Với bộ máy quản lý được tổ chức theo mô hình cơ cấu trực tuyến từ Ban giám đốc đến các phòng ban. Với đội ngũ quản lý, nhân sự làm việc nhiệt tình hết mình, trung thực, sáng tạo giúp cho lãnh đạo Công ty có quyết định chính xác, kịp thời khi có những vấn đề khó khăn trong kinh doanh, tránh được tình trạng tiêu cực trong quản lý. Hàng ngày, khi nhận được chứng từ, sau khi kiểm tra độ chính xác của chứng từ, kế toán ghi sổ và khi cần có thể kiểm tra bất cứ lúc nào nhà quản trị yêu cầu, đáp ứng yêu cầu cấp thiết của nhà lãnh đạo là nhanh chóng, kịp thời và chính xác.

b. Về bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được gửi lên phòng kế toán để kiểm tra và ghi chép vào sổ sách.

Hình thức này gọn nhẹ, đảm bảo công tác kế toán thực hiện một cách hiệu quả. Trong Công ty có sự phân chia công việc và phối hợp nhịp nhàng, khả năng của đội ngũ chuyên môn được khai thác triệt để giảm nhẹ khối lượng công việc ghi sổ kế toán, các nhân viên trong phòng kế toán được bố trí công tác phù hợp với trình độ và khả năng của từng người. Hệ thống kế toán của Công ty đã đi vào nề nếp, được tổ chức tương đối hoàn chỉnh phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty.

c. Về hình thức kế toán

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung - là một phương pháp đơn giản, dễ làm, dễ sử dụng, rất phù hợp đối với một công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại. Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép vào Nhật ký chung mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó.

d. Về sử dụng và luân chuyển chứng từ

Việc sử dụng và luân chuyển chứng từ của Công ty hợp lý, gọn nhẹ đồng thời vẫn đáp ứng yêu cầu quản lý. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của Bộ Tài Chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kế toán phát sinh. Các chứng từ được kế toán tổng hợp và lưu giữ, bảo quản cẩn thận. Quá trình luân chuyển chứng từ một cách hợp lý. Chứng từ từ khâu bán hàng, mua hàng sang phòng kế toán được thực hiện một cách khẩn trương, liên tục.

3.1.1.2. Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

a. Về tổ chức công tác kế toán doanh thu

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đảm bảo, nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh. Việc theo dõi hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

b. Về công tác kế toán chi phí

Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm

lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm bảo được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

c. Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác. Việc ghi chép dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tình hình thực tế của công ty.

3.1.2. Một số mặt còn hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty.

Bên cạnh những thành tựu đạt được thì tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty vẫn còn nhiều tồn tại và bất cập cần khắc phục. Cụ thể:

➤ **Thứ nhất:** Tại công ty TNHH Kính Ka Kỳ kinh doanh rất nhiều mặt hàng, trong khi đó, kế toán tại công ty không mở sổ chi tiết theo dõi doanh thu, giá vốn riêng của từng loại và xác định lợi nhuận gộp của từng mặt hàng. Điều này gây khó khăn trong quá trình theo dõi doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh cuối cùng của từng mặt hàng và không đáp ứng được yêu cầu thông tin của lãnh đạo. Mặt khác, công ty cũng không mở sổ chi tiết cho TK 642 nên không theo dõi được chi tiết từng yếu tố chi phí phát sinh cho tài khoản này.

➤ **Thứ hai:** Hiện nay, mặc dù phòng kế toán được trang bị đầy đủ máy vi tính, nhưng công ty vẫn chưa có phần mềm kế toán để quản lý. Do đó khối lượng công việc mà mỗi kế toán viên đảm nhận khá nhiều, gây sức ép và khó khăn mỗi khi tổng hợp số liệu lập báo cáo tài chính. Điều này ảnh hưởng đến độ chính xác của các báo cáo tài chính, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của công ty.

➤ **Thứ ba:** Hiện nay, công ty có một số khách hàng quá hạn thanh toán trong khi đó công ty lại chưa tiến hành trích lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi. Đây là một bất lợi cho công ty vì có thể gặp rủi ro khi không thu hồi được nợ của các khách hàng.

3.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Kính Ka Kỳ.

3.2.1. Tầm quan trọng của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty.

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp, vì vậy nó có vai trò rất quan trọng.

Thực trạng kế toán nói chung, kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại các doanh nghiệp ở Việt Nam hầu hết chưa thể hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Xác định đúng doanh thu và kết quả hoạt động của công ty sẽ cho biết doanh nghiệp đó hoạt động ra sao, có hiệu quả hay không. Đồng thời là cơ sở để cho các cán bộ lãnh đạo điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh, để tăng doanh thu và hạ chi phí. Mặt khác, xác định được mục tiêu, chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng.

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phần hành kế toán quan trọng nhất, nó xác định toàn bộ nỗ lực của doanh nghiệp từ khâu mua vào đến khâu tiêu thụ. Vì vậy yêu cầu hạch toán đúng, đầy đủ theo đúng chế độ kế toán hiện hành được đặt ra cao hơn so với các phần hành khác. Nếu quản lý tốt, công ty sẽ có những biện pháp để thúc đẩy tiêu thụ, kiểm soát chặt chẽ chi phí, xác định kết quả kinh doanh một cách chính xác, phân phối thu nhập cho người lao động một cách hợp lý, làm cho người lao động hăng say hơn trong công việc. Đồng thời sẽ giúp được kế toán đưa ra được những thông tin chính xác hơn và tạo niềm tin cho nhà quản trị khi sử dụng thông tin kế toán.

3.2.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

3.2.2.1. Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại công ty.

Công ty nên sử dụng sổ chi tiết bán hàng (biểu 3-1), sổ chi tiết giá vốn (biểu 3-2) giúp kế toán nắm được doanh thu tiêu thụ và giá vốn của từng mặt hàng (nhóm mặt hàng), từ đó xác định được lãi gộp đối với từng mặt hàng (nhóm mặt hàng), giúp cho nhà quản lý có thể đưa ra chiến lược kinh doanh phù hợp.

Bên cạnh đó, công ty chưa mở sổ chi tiết để theo dõi từng yếu tố chi phí trong từng khoản mục chi phí quản lý kinh doanh. Công ty nên sử dụng sổ chi phí sản xuất kinh doanh (biểu 3-2) giúp kế toán theo dõi được thường xuyên liên tục các khoản chi phí phát sinh theo yếu tố chi phí giúp công ty quản lý chặt chẽ hơn các khoản chi phí phát sinh trong kỳ, đưa ra biện pháp cắt giảm chi phí góp phần tăng lợi nhuận.

Căn cứ vào sổ chi tiết bán hàng và sổ chi phí sản xuất kinh doanh mở cho TK 632 - chi tiết cho từng mặt hàng (nhóm mặt hàng), ta xác định được lợi nhuận gộp của từng mặt hàng (nhóm mặt hàng). Để xác định chính xác kết quả kinh doanh cuối cùng cụ thể cho từng mặt hàng (nhóm mặt hàng), ta có thể phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo tiêu thức doanh thu thuần với công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí quản} \\ \text{lý kinh doanh} \\ \text{phân bổ cho} \\ \text{mặt hàng} \\ \text{(nhóm mặt} \\ \text{hàng) A} \end{array} = \frac{\text{Tổng chi phí quản lý kinh doanh} \\ \text{thực tế phát sinh}}{\text{Tổng doanh thu thuần của tất cả các} \\ \text{mặt hàng (nhóm mặt hàng)}} \times \begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần} \\ \text{của mặt hàng} \\ \text{(nhóm mặt} \\ \text{hàng) A} \end{array}$$

Sau khi phân bổ chi phí quản lý kinh doanh ta lập biểu tổng hợp kết quả kinh doanh từng mặt hàng (nhóm mặt hàng) (biểu 3-3). Để theo dõi kết quả kinh doanh cuối cùng của từng mặt hàng (nhóm mặt hàng) kế toán có thể mở Sổ chi tiết cho TK 911. (biểu 3-4)

Biểu số 3-1: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị:

Địa chỉ:

Mẫu số: S16-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày
26/08/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư):

Năm:

Quyển số:

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ | Doanh thu | | | Các khoản tính trừ | |
|-------------------|----------|------------|-------------------|------|-----------|---------|------------|--------------------|------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Thuế | Khác |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3=1x2 | 4 | 5 |
| | | | | | | | | | |
| | | | Cộng số phát sinh | | | | | | |
| | | | Doanh thu thuần | | | | | | |
| | | | Giá vốn hàng bán | | | | | | |
| | | | Lãi gộp | | | | | | |

- Sổ này có.....trang, đánh từ trang số 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 3-2: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị:

Địa chỉ:

Mẫu số: S17-DNN

(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK 154, 631, 642, 632, ...)

Tài khoản:

Tên sản phẩm dịch vụ:

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ | Ghi nợ TK | | | | | | | | |
|-------------------|----------|------------|----------------------------|------|--------------|---------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Tổng số tiền | Chia ra | | | | | | | |
| | | | | | | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | |
| | | | Số dư đầu kỳ | | | | | | | | | | |
| | | | Số phát sinh trong kỳ | | | | | | | | | | |
| | | | ... | | | | | | | | | | |
| | | | Cộng số phát sinh trong kỳ | | | | | | | | | | |
| | | | Ghi có TK | | | | | | | | | | |
| | | | Số dư cuối kỳ | | | | | | | | | | |

- Sổ này có.....trang, đánh từ trang số 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 3-3: Bảng tổng hợp kết quả kinh doanh từng mặt hàng

Đơn vị:

Địa chỉ:

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KINH DOANH TỪNG MẶT HÀNG
(NHÓM MẶT HÀNG)**

Năm:

| STT | Tên mặt hàng (nhóm mặt hàng) | Doanh thu thuần | Giá vốn | Lợi nhuận gộp | CPQLKD phân bổ cho từng mặt hàng (nhóm mặt hàng) | Kết quả kinh doanh |
|-----|---------------------------------|-----------------|---------|---------------|--|-----------------------|
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | Cộng | | | | | |

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Ngày ... tháng ... năm
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 3-4: Sổ chi tiết các tài khoản

Đơn vị:
 Địa chỉ:

Mẫu số: S19-DNN
 (Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN
 (Dùng cho các TK: 136, 138, 141, ..., 911)

Tài khoản:

Đối tượng:

Loại tiền:

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Số phát sinh | | Số dư | |
|--------------------|----------|-------------|---|------------|--------------|----|-------|----|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Nợ | Có | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3 | 4 |
| | | | - Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ | | | | | |
| | | | - Cộng số phát sinh - Số dư cuối kỳ | x x | x | x | x | x |

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
 Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

- *Ví dụ:*

Với nghiệp vụ bán hàng tại ví dụ 1 và ví dụ 3 chương 2 ngoài ghi vào sổ sách như đã trình bày, kế toán nên ghi bổ sung vào sổ chi tiết bán hàng và sổ chi tiết giá vốn cho từng mặt hàng.

Căn cứ vào hóa đơn số 0000226, kế toán ghi vào sổ chi tiết bán hàng (biểu 3-5). Căn cứ vào phiếu xuất kho 12/10, kế toán ghi sổ chi tiết giá vốn (biểu 3-6).

Với nghiệp vụ thanh toán tiền xe chở và bốc dỡ hàng ở ví dụ 5 chương 2, ngoài việc ghi chép vào sổ sách đã trình bày, kế toán nên ghi bổ sung vào sổ chi tiết chi phí mở cho TK 6421 (biểu 3-7).

Cụ thể như sau:

Biểu số 3-5: Sổ chi tiết bán hàng

Công Ty TNHH Kinh Ka Kỳ
Số 28 Nguyễn Đức Cảnh - P.An Biên - Q.Lê Chân - HP

Mẫu số: S16-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày
26/08/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Kính cường lực

Năm 2017

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ | Doanh thu | | | Các khoản tính trừ | |
|-------------------|---------------|------------|-------------------------------------|------|-----------|---------|------------|--------------------|------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Thuế | Khác |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3=1x2 | 4 | 5 |
| | | | ... | | | | | | |
| 20/10 | HĐ0000 226 | 20/10 | Bán hàng cho Sở Tài chính Hải Phòng | 131 | 35 | 450.000 | 15.750.000 | | |
| | | | Cộng số phát sinh | | | | | | |
| | | | Doanh thu thuần | | | | | | |
| | | | Giá vốn hàng bán | | | | | | |
| | | | Lãi gộp | | | | | | |

- Sổ này có.....trang, đánh từ trang số 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 3-6: Sổ chi phí kinh doanh (TK632)

Công Ty TNHH Kinh Ka Kỳ
Số 28 Nguyễn Đức Cảnh - P.An Biên - Q.Lê Chân - HP

Mẫu số: S17-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày
26/08/2016 của BTC)

SỔ CHI PHÍ KINH DOANH

Tên tài khoản: 632

Tên sản phẩm dịch vụ: Kính cường lực

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ | Ghi nợ TK 632 | | |
|-------------------|----------|------------|-------------------------------------|------|---------------|----------|---------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Tổng số tiền | Số lượng | Đơn giá |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3=1x2 |
| | | | Số dư đầu kỳ | | | | |
| | | | Số phát sinh trong kỳ | | | | |
| 20/10 | PXK12/10 | 20/10 | Bán hàng cho Sở Tài chính Hải Phòng | 156 | 12.600.000 | 35 | 360.000 |
| | | | ... | | | | |
| | | | Cộng số phát sinh trong kỳ | | | | |
| | | | Ghi có TK 632 | 911 | | | |
| | | | Số dư cuối kỳ | | | | |

- Sổ này có.....trang, đánh từ trang số 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 3-7: Sổ chi phí kinh doanh (TK6421)

Công Ty TNHH Kinh Ka Kỳ
Số 28 Nguyễn Đức Cảnh - P.An Biên - Q.Lê Chân - HP

Mẫu số: S17-DNN
(Ban hành theo TT số 133/2016/TT-BTC ngày
26/08/2016 của BTC)

SỔ CHI PHÍ KINH DOANH

Tên tài khoản: 6421

Tên sản phẩm dịch vụ: Chi phí bán hàng

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | TKĐƯ | Ghi nợ TK 6421 | | | | | |
|-------------------------|----------|---------------|----------------------------|------|----------------|---------|----------|-----|----------------------|---------------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Tổng số tiền | Chia ra | | | | |
| | | | | | | Lương | Vật liệu | ... | Dịch vụ mua ngoài | Chi phí bằng tiền khác |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3 | ... | 4 | 5 |
| | | | Số dư đầu kỳ | | | | | | | |
| | | | Số phát sinh trong kỳ | | | | | | | |
| 8/10 | PC04/10 | 8/10 | Thuê xe chở và bốc dỡ hàng | 111 | 1.000.000 | | | | 1.000.000 | |
| | | | ... | | | | | | | |
| | | | Cộng số phát sinh trong kỳ | | | | | | | |
| | | | Ghi có TK | | | | | | | |
| | | | Số dư cuối kỳ | | | | | | | |

- Sổ này có.....trang, đánh từ trang số 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

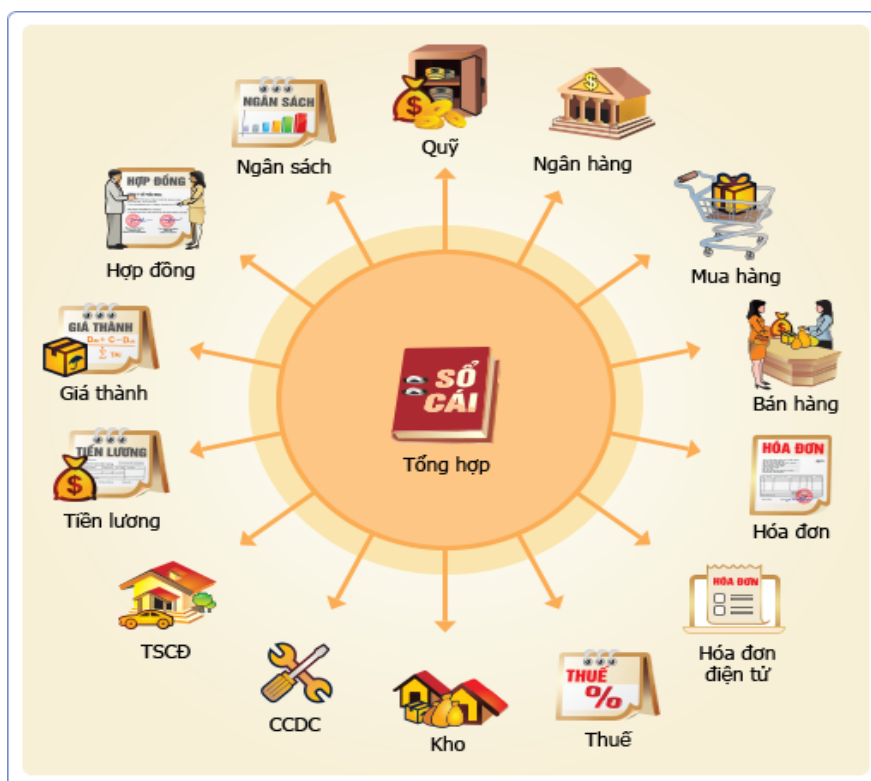
3.2.2.2. Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán

Kế toán theo phương pháp thủ công mất rất nhiều thời gian, công sức, con người vào việc ghi chép, theo dõi, tổng hợp cũng như xử lý thông tin. Việc sử dụng phần mềm kế toán sẽ giúp khắc phục những nhược điểm này. Số lượng kế toán viên sẽ giảm, việc tập hợp và tổng hợp số liệu kế toán sẽ nhanh chóng, chính xác giúp cho công tác quản lý đạt được hiệu quả cao. Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán hữu ích và được sử dụng phổ biến. Ví dụ như:

➤ ***Phần mềm kế toán Doanh nghiệp vừa và nhỏ MISA SME.NET 2017***

Đây là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: Quỹ, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, quản lý hóa đơn, thuế, kho, tài sản cố định, công cụ dụng cụ, tiền lương, giá thành, hợp đồng, ngân sách, tổng hợp.

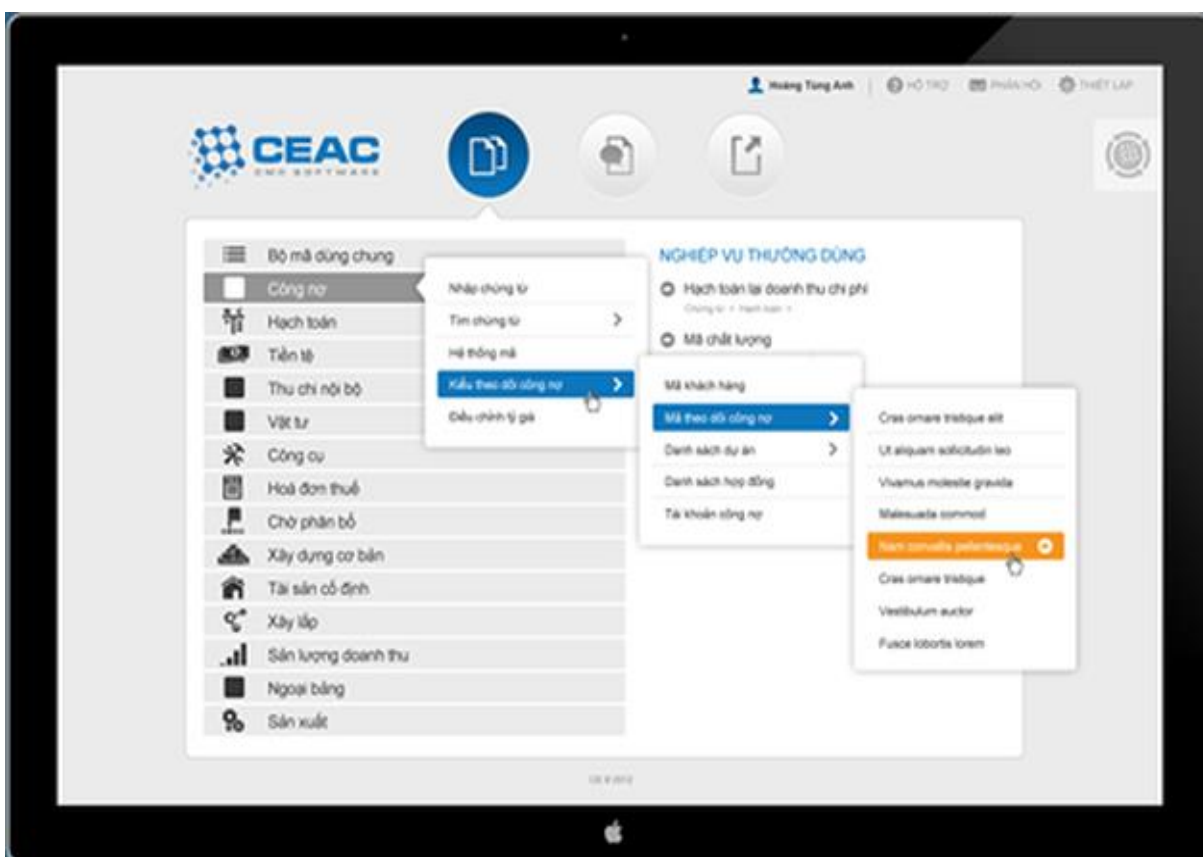
MISA SME.NET phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại, dịch vụ, xây lắp, sản xuất.



- *Giá gói đủ 16 phân hệ: 12.950.000đ*

➤ **Phần mềm kế toán CeAC**

- Là phần mềm kế toán online mạnh mẽ phù hợp với mọi quy mô và loại hình doanh nghiệp.
- Là sản phẩm của CMC SOFT - một trong những doanh nghiệp giải pháp phần mềm uy tín nhất hiện nay.
- Phần mềm này sử dụng công nghệ điện toán đám mây giúp doanh nghiệp tiết kiệm tối đa chi phí, tăng khả năng làm việc mọi lúc mọi nơi cùng khả năng bảo mật tuyệt vời.
- Phần mềm đa ngôn ngữ (Việt, Anh, Hàn).



Giá: 200.000đ/tháng/người

Phần mềm kế toán AccNet

- Có thể truy cập mọi lúc mọi nơi, dễ sử dụng.
- Xem được số liệu tài chính trên Smartphone, Tablet.
- Không cài đặt, chỉ cần đăng nhập và sử dụng
- Là phần mềm ra đời lâu đời nhất (từ năm 1995), hiện nay phần mềm được phân hóa thành nhiều phần mềm khác nhau để phù hợp với nhiều quy

mô và loại hình doanh nghiệp. Tuy nhiên, phần mềm nổi bật nhất với sản phẩm dành cho doanh nghiệp siêu nhỏ và doanh nghiệp tự in hóa đơn.



Hình 2-8: Màn hình đăng nhập sử dụng AccNet

Giá: 1.800.000đ/năm/người

Qua quá trình tìm hiểu, em thấy phần mềm kế toán MISA phù hợp nhất đối với đặc điểm cơ cấu, loại hình kinh doanh hiện tại của công ty TNHH Kính Ka Kỳ. Vì đây là phần mềm có tính năng và giá cả, đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp.

3.2.2.3. Hoàn thiện việc lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại Công ty TNHH Kính Ka Kỳ.

Hiện nay công ty có một số khách hàng quá hạn thanh toán trong khi đó công ty không tiến hành trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi. Đây là một bất lợi lớn vì công ty có quy mô các khoản phải thu khách hàng là khá lớn, bên cạnh đó để thu hút khách hàng công ty có chính sách bán trả chậm nên việc gặp phải rủi ro khi không thu hồi được nợ có khả năng xảy ra rất lớn. Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi là giải pháp mang tính chủ động mà doanh nghiệp áp dụng để giảm thiểu những tổn thất có thể xảy ra với hoạt động kinh doanh khi các khoản nợ có nguy cơ không đòi được.

➤ **Phương pháp lập dự phòng**

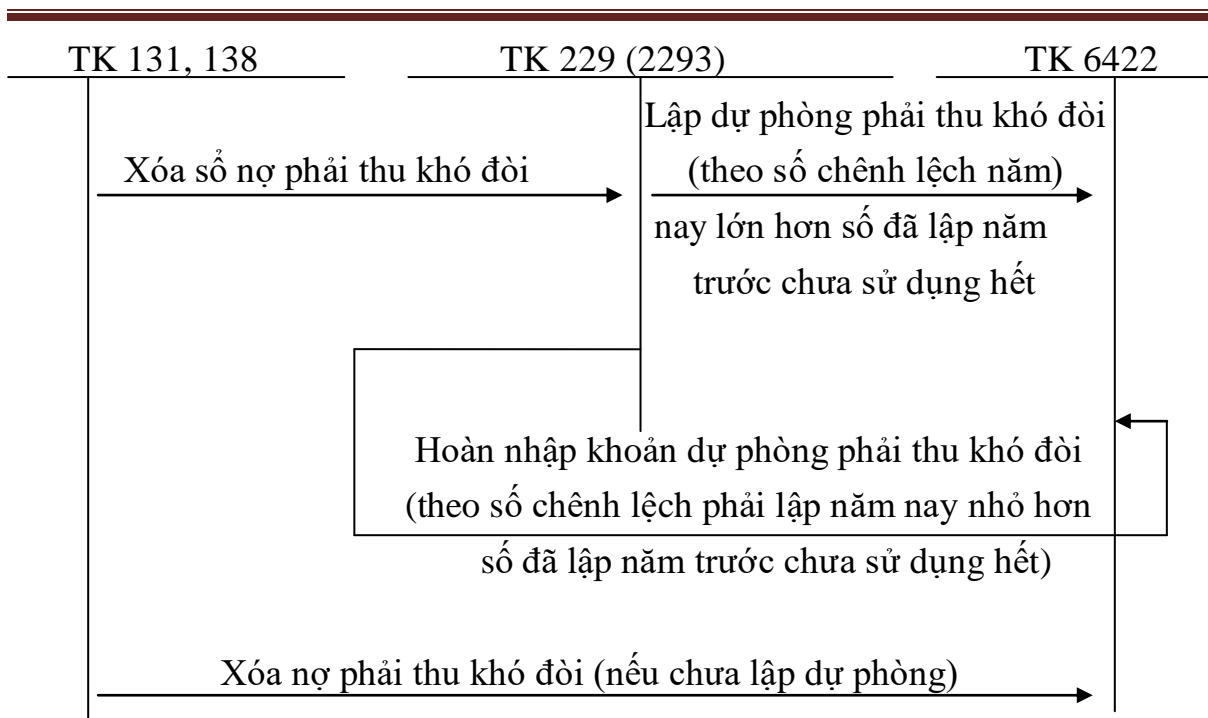
Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ, và tiến hành lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng từ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

- *Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:*

| Thời gian quá hạn thanh toán | Mức dự phòng trích lập |
|------------------------------|----------------------------------|
| 6 tháng $\leq T \leq$ 1 năm | 30% giá trị nợ phải thu quá hạn |
| 1 năm $< T <$ 2 năm | 50% giá trị nợ phải thu quá hạn |
| 2 năm $< T <$ 3 năm | 70% giá trị nợ phải thu quá hạn |
| $T >$ 3 năm | 100% giá trị nợ phải thu quá hạn |

• *Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết,...* thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi để trích lập dự phòng.

Kế toán trích lập phải thu khó đòi được thể hiện qua sơ đồ sau: (theo Thông tư 133)



Sơ đồ 3-1: Kế toán trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

- Ví dụ minh họa

Từ bảng công nợ (biểu số 3-8) và dựa vào mức trích lập dự phòng kế toán tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi (biểu số 3-9) vào ngày 31/12 như sau:

Biểu số 3-8: Bảng kê công nợ

CÔNG TY TNHH KÍNH KA KỲ

Số 28 Nguyễn Đức Cảnh - P.An Biên - Q.Lê Chân - HP

BẢNG KÊ CÔNG NỢ

Tính đến ngày 31/12/2017

| Tên khách hàng | Số tiền nợ | Chưa đến hạn | Đến hạn | Quá hạn | Không đòi được | Ghi chú |
|-----------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|-------------------|----------------|------------------|
| Công ty TNHH Hướng Dương | 22.300.000 | | | 22.300.000 | | 18 tháng 05 ngày |
| Công ty Thương mại An Khánh | 12.900.000 | | 12.900.000 | | | |
| Công ty TNHH Hưng Phát | 33.000.000 | 33.000.000 | | | | |
| Công ty TNHH Tuấn Tú | 15.300.000 | 15.300.000 | | | | |
| Công ty cổ phần Minh Hà | 43.725.000 | | | 43.725.000 | | 15 tháng 08 ngày |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| Tổng cộng | 527.025.000 | 348.300.000 | 112.700.000 | 66.025.000 | | |

Biểu số 3-9: Biểu kê trích lập dự phòng phải thu khó đòi

CÔNG TY TNHH KÍNH KA KỶ

Số 28 Nguyễn Đức Cảnh - P.An Biên - Q.Lê Chân - HP

BẢNG KÊ TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Tính đến ngày 31/12/2017

| Tên công ty | Số tiền nợ | Thời gian quá hạn thanh toán | Tỷ lệ trích lập | Số cần lập dự phòng |
|--------------------------|-------------------|------------------------------|-----------------|---------------------|
| Công ty TNHH Hường Dương | 22.300.000 | 18 tháng 05 ngày | 50% | 11.150.000 |
| Công ty cổ phần Minh Hà | 43.725.000 | 15 tháng 08 ngày | 50% | 21.862.500 |
| Tổng cộng | 66.025.000 | | | 33.012.500 |

• *Kế toán định khoản:*

Nợ TK 642: 33.012.500

Có TK 2293: 33.012.500

Kế toán lập phiếu kế toán cho nghiệp vụ trên và ghi vào các sổ sách có liên quan.

3.2.2.4. Một số kiến nghị khác.

Công ty nên tạo điều kiện cho các nhân viên kế toán tham gia các khóa học nghiệp vụ dài hạn và ngắn hạn để nâng cao thêm trình độ nghiệp vụ giúp công ty xử lý nhanh chóng các nghiệp vụ kinh tế để hoàn thành báo cáo kịp thời.

Bộ phận kế toán nên thường xuyên có những buổi họp để trao đổi, phổ biến kiến thức chuyên môn, cập nhật thông tin kế toán mới để có sự phối hợp nhịp nhàng, ăn ý giữa các nhân viên kế toán nhằm nâng cao năng suất hoạt động, phù hợp với giai đoạn tăng cường các hoạt động kinh doanh của công ty hiện nay.

KẾT LUẬN

Đề tài: “*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty TNHH Kính Ka Kỳ*” đã đề cập được những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản như sau:

❖ **Về mặt lý luận:** Đưa ra những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Thông tư 133/2016/TT-BTC của Bộ tài chính.

❖ **Về mặt thực tiễn:**

✓ Phản ánh thực trạng về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty TNHH Kính Ka Kỳ với số liệu năm 2017.

✓ Đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty TNHH Kính Ka Kỳ:

- Công ty nên mở thêm sổ chi tiết bán hàng, giá vốn
- Công ty nên ứng dụng phần mềm kế toán
- Công ty nên trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Là một sinh viên thực tập chưa có nhiều kinh nghiệm, trình độ nhận thức còn hạn chế nên trong bài viết của em không tránh khỏi thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn. Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của Cô giáo hướng dẫn – **ThS. Nguyễn Thị Mai Linh**, và các anh chị trong phòng kế toán của Công Ty TNHH Kính Ka Kỳ, cùng toàn thể các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh và Nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Ngày 02 tháng 11 năm 2018

Sinh viên

Đặng Hạnh Nguyên

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Công ty TNHH Kính Ka Kỳ (2017), *Sổ sách kế toán Công ty*.
4. Tài liệu tham khảo khác tại thư viện.